

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 224/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Báo cáo của Hội đồng thẩm định liên ngành ngày 15 tháng 9 năm 2023 về việc thẩm định Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia được quy hoạch phải đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, phù hợp với hệ thống quy hoạch quốc gia và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đảm bảo thực hiện quan trắc môi trường nền và môi trường tác động các khu vực có tính chất liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới, góp phần đánh giá được sức chịu tải của môi trường, ưu tiên nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo môi trường quốc gia.

2. Mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia được quy hoạch trên cơ sở kế thừa nội dung quan trắc môi trường trong quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, có sự lồng ghép giữa các lĩnh vực, đồng thời tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ quan trắc viên hiện có.

3. Mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia được quy hoạch phải khắc phục được những bất cập trong các quy hoạch trước đây, tăng cường hơn nữa các công cụ, thiết bị quan trắc tiên tiến, hiện đại, tăng cường chuyển đổi số và tập trung nguồn lực cho hoạt động xử lý, đánh giá dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

4. Mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia được quy hoạch là một hệ thống mở, thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu về dữ liệu quan trắc phục vụ cho công tác đánh giá chất lượng môi trường tại các khu vực có tính chất liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới.

5. Tăng cường nguồn lực cho hệ thống quy hoạch quan trắc môi trường quốc gia đáp ứng yêu cầu thực tiễn đảm bảo phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về môi trường. Việc đầu tư xây dựng mới cho hệ thống quan trắc phải tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và từng bước hướng tới mục tiêu tăng cường xã hội hóa đối với hoạt động quan trắc môi trường.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường quốc gia đồng bộ, tiên tiến hiện đại, giám sát được các khu vực trọng yếu có tính chất liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới, khu vực tập trung nhiều nguồn thải và thực hiện quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao; tăng cường tính liên kết với các hệ thống quan trắc môi trường cấp tỉnh; bảo đảm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường; đáp ứng yêu cầu về cung cấp, công bố, công khai thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường và nâng cao năng lực cho công tác cảnh báo, dự báo môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2021 - 2030:

- Đối với mạng lưới quan trắc chất lượng không khí:

+ Duy trì 19 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục đã được vận hành; hoàn thành đầu tư, lắp đặt 18 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục đang được triển khai tại các vị trí quan trắc được kế thừa từ quy hoạch trước;

+ Tiếp tục đầu tư, bổ sung mới để hoàn thiện 31 trạm quan trắc môi trường không khí tự động liên tục trên cả nước, trong đó bao gồm 06 trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng không khí nền tại 06 vùng kinh tế - xã hội;

+ Thiết lập, hoàn thiện mạng lưới các điểm quan trắc chất lượng môi trường không khí định kỳ trên cả nước, trong đó tập trung vào các vùng phát triển kinh tế xã hội quan trọng, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải, đảm bảo việc đánh giá tác động tới môi trường không khí tại các khu vực phát triển công nghiệp và đông dân cư;

+ Bước đầu thiết lập mạng lưới quan trắc thủy ngân tự động trong không khí.

- Đối với mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt:

+ Thiết lập, hoàn thiện mạng lưới quan trắc tự động, liên tục chất lượng môi trường nước sông, hồ liên tỉnh tại các vị trí đầu nguồn, xuyên biên giới và các vị trí giáp ranh giữa các tỉnh;

+ Xây dựng các mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt định kỳ tại dòng chính của các sông, hồ liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

- Đối với quan trắc chất lượng nước cửa sông và nước biển:

+ Duy trì, mở rộng quan trắc tại các điểm cửa sông, ven biển theo quy hoạch trước đây;

+ Thiết lập mạng lưới quan trắc chất lượng nước biển tại các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Đối với quan trắc chất lượng đất: xây dựng các chương trình quan trắc có tính mở, phù hợp với mục tiêu bảo vệ môi trường đất theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với mạng lưới quan trắc nước dưới đất: thực hiện quan trắc tại các khu vực đông dân cư, khu vực có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

- Đối với mạng lưới quan trắc mưa axit: thiết lập mạng lưới quan trắc trên cơ sở kế thừa, sử dụng cơ sở vật chất từ các trạm quan trắc hiện có và các trạm đang được đầu tư.

- Đối với mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học: ưu tiên triển khai quan trắc tại các khu bảo tồn thiên nhiên có danh hiệu quốc tế, hướng tới tổ chức triển khai đồng bộ tại các khu bảo tồn thiên nhiên trên phạm vi toàn quốc theo lộ trình và các chỉ thị quan trắc đa dạng sinh học.

- Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa các phòng thí nghiệm, các trạm quan trắc chất lượng môi trường hiện có; hoàn thành đầu tư, xây dựng phòng thí nghiệm thuộc Trạm quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ.

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường quốc gia, tích hợp toàn bộ hệ thống dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường trong một hệ thống chung trên cả nước, thực hiện chia sẻ dữ liệu và công bố thông tin chất lượng môi trường của toàn bộ các điểm quan trắc chất lượng môi trường do trung ương và địa phương quản lý; xây dựng cơ chế điều phối, chia sẻ thông tin quan trắc môi trường giữa các mạng lưới/chương trình quan trắc; tập trung hiện đại hóa và tăng cường năng lực cho các trung tâm xử lý dữ liệu quan trắc môi trường, triển khai một số mô hình chuyển đổi số bảo đảm thông tin đồng bộ, có hệ thống và độ tin cậy cao. Bước đầu xây dựng và phát triển công tác cảnh báo và tiến tới dự báo chất lượng môi trường tại một số thành phố lớn.

b) Tầm nhìn đến năm 2050:

- Tăng cường đầu tư, mở rộng các trạm quan trắc chất lượng không khí và chất lượng nước tự động, liên tục, áp dụng các công nghệ quan trắc mới hướng tới thay thế dần các điểm quan trắc chất lượng không khí, nước mặt định kỳ bằng các trạm quan trắc chất lượng không khí, chất lượng nước tự động, liên tục.

- Tổ chức thực hiện quan trắc đa dạng sinh học tại các hành lang đa dạng sinh học và khu vực đa dạng sinh học cao đã được thành lập.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại, các mô hình xử lý thông tin có sử dụng trí tuệ nhân tạo, triển khai toàn diện mô hình chuyển đổi số trong việc quản lý, phân tích dữ liệu quan trắc môi trường phục vụ cho hoạt động dự báo chất lượng môi trường.

- Tăng cường công tác xã hội hóa đối với việc triển khai thực hiện quy hoạch, xây dựng cơ chế ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục và tham gia các chương trình quan trắc môi trường định kỳ nhằm tận dụng các nguồn lực, cơ sở vật chất của các đơn vị bên ngoài nhà nước.

III. PHẠM VI CỦA QUY HOẠCH

1. Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được giới hạn trên toàn bộ lãnh thổ đất liền, các đảo, quần đảo, lòng đất, vùng biển, vùng trời của Việt Nam.

2. Quy hoạch này không bao gồm các trạm quan trắc mang tính đặc thù, phục vụ riêng theo nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

IV. CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC

1. Mạng lưới quan trắc chất lượng không khí:

a) Vị trí các điểm quan trắc chất lượng không khí xung quanh

- Tiếp tục duy trì và mở rộng mạng lưới quan trắc chất lượng không khí xung quanh tại 216 điểm quan trắc chất lượng không khí trên cơ sở tiếp tục duy trì quan trắc theo 106 điểm đã có trong quy hoạch kỳ trước đây và mở rộng mới thêm 110 điểm quan trắc chất lượng không khí. Trong số 216 điểm được quy hoạch sẽ bao gồm 103 điểm quan trắc đang được thực hiện, 98 điểm quan trắc quy hoạch thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 và 15 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục được tiếp tục xây dựng mới sau năm 2030.

- Về hình thức quan trắc:

+ Đối với trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục: mở rộng và xây dựng 68 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục với 06 trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí nền và 62 trạm quan trắc chất lượng không khí tác động.

. Các trạm quan trắc chất lượng không khí nền đại diện cho 06 vùng phát triển kinh tế - xã hội đặt tại 06 địa phương bao gồm: Lai Châu, Hải Phòng, Quảng Nam, Đắk Nông, Đồng Nai và Đồng Tháp;

. Sử dụng 18 trạm/điểm quan trắc chất lượng không khí cho mục đích quan trắc tác động xuyên biên giới;

. Tiếp tục duy trì 10 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục được lồng ghép tại các trạm quan trắc khí tượng bề mặt trong mạng lưới trạm lưới quan trắc khí tượng thủy văn.

+ Đối với điểm quan trắc chất lượng không khí định kỳ: thực hiện quan trắc tác động tại 148 điểm quan trắc tập trung vào các tỉnh/thành phố thuộc các khu vực và thành phố có ý nghĩa quan trọng về chính trị - xã hội.

+ Căn cứ mục tiêu nghiên cứu, đánh giá phục vụ cho công tác quản lý nhà nước để thiết kế các trạm quan trắc chất lượng không khí chuyên đề theo quy định gồm có: trạm ven đường (giao thông), trạm công nghiệp, trạm dân cư.

b) Tần suất quan trắc chất lượng không khí

Đối với hoạt động quan trắc định kỳ, từng bước tăng cường tần suất quan trắc tại các điểm quan trắc, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025: tối thiểu 08 đợt/năm.

- Giai đoạn 2026 - 2030: tối thiểu 12 đợt/năm.

c) Thông số quan trắc chất lượng không khí

- Đối với các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục: tối thiểu bao gồm các thông số SO_2 , NO_2 , CO, O_3 , bụi PM_{10} , bụi $PM_{2,5}$.

- Đối với điểm quan trắc chất lượng không khí định kỳ: tối thiểu bao gồm các thông số: SO_2 , NO_2 , CO, bụi TSP. Đối với 05 thành phố trực thuộc trung ương thì các thông số quan trắc tối thiểu bổ sung thêm thông số bụi $PM_{2,5}$.

d) Lồng ghép các điểm quan trắc tiếng ồn trong 216 điểm quan trắc thuộc mạng lưới quan trắc chất lượng không khí xung quanh: căn cứ mạng lưới vị trí các điểm quan trắc chất lượng không khí xung quanh để lựa chọn các vị trí phù hợp quan trắc bổ sung đối với tiếng ồn.

Chi tiết về quy hoạch quan trắc mạng lưới chất lượng không khí tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt:

a) Vị trí các điểm quan trắc chất lượng nước mặt

- Tiếp tục duy trì và mở rộng mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt tại 499 điểm quan trắc chất lượng nước mặt trên cơ sở tiếp tục duy trì quan trắc theo 368 điểm đã có trong quy hoạch kỳ trước đây và mở rộng mới thêm 131 điểm quan trắc chất lượng nước mặt. Trong số 499 điểm quan trắc chất lượng nước mặt được quy hoạch bao gồm 260 điểm quan trắc đang được thực hiện, 216 điểm quan trắc quy hoạch thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 và 23 trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động, liên tục được tiếp tục xây dựng mới sau năm 2030.

- Về hình thức quan trắc:

+ Đối với trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động, liên tục: mở rộng và xây dựng 59 trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động, liên tục với 06 trạm quan trắc nền và 53 trạm quan trắc tác động, liên tục, sử dụng 04 trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động, liên tục cho mục đích quan trắc tác động xuyên biên giới;

+ Đối với điểm quan trắc chất lượng nước mặt định kỳ: thực hiện quan trắc tác động tại 440 điểm quan trắc tại dòng chính của các dòng sông lớn, sông liên tỉnh, xuyên biên giới và có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng gồm có: sông Cầu; sông Nhuệ - Đáy; sông Hương; lưu vực hệ thống sông Hồng - Thái Bình gồm dòng chính 2 sông: Hồng, Thái Bình; sông Mã - sông Chu; sông Cả - sông La; sông Vu Gia - Thu Bồn; sông Ba; lưu vực hệ thống sông Đồng Nai gồm các sông: sông Sài Gòn, sông Bé, sông La Ngà, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây; sông chính thuộc hệ thống sông Mekong gồm có: Sông Sê San, sông Srepok, sông Tiên và sông Hậu;

+ Tiếp tục duy trì quy hoạch 01 trạm quan trắc chất lượng nước tự động, liên tục trên lưu vực sông Kỳ Cùng - Bằng Giang để đánh giá chất lượng nước tại khu vực từ nước ngoài đổ vào Việt Nam;

+ Tiếp tục duy trì 22 điểm quan trắc được lồng ghép tại các trạm quan trắc thủy văn.

b) Tần suất quan trắc chất lượng nước mặt

Đối với hoạt động quan trắc định kỳ, từng bước tăng cường tần suất quan trắc tại các điểm quan trắc, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2023 - 2025: tối thiểu 10 đợt/năm.

- Giai đoạn 2026 - 2030: tối thiểu 12 đợt/năm.

Căn cứ vào nguồn lực của các chương trình quan trắc, khuyến khích tăng tần suất quan trắc định kỳ tại các điểm quan trắc chất lượng nước mặt trong quy hoạch để tăng dày chuỗi số liệu quan trắc.

c) Thông số quan trắc chất lượng nước mặt

- Đối với các trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động, liên tục: tối thiểu bao gồm các thông số pH, COD (hoặc TOC), TSS, DO. Khuyến khích mở rộng quan trắc với thông số Tổng Phosphor (TP) và tổng Nitơ (TN).

- Đối với điểm quan trắc chất lượng nước mặt định kỳ: tối thiểu bao gồm các thông số: pH, COD (hoặc TOC), BOD₅, TSS, DO, NH₄⁺, Tổng phosphor (TP), tổng Nitơ (TN), Tổng Coliform, Coliform chịu nhiệt. Đối với quan trắc nước tại các vị trí hồ thì bổ sung thêm thông số Chlorophyll a.

d) Lồng ghép các điểm quan trắc trầm tích nước mặt trong 499 điểm quan trắc thuộc mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt: căn cứ mạng lưới vị trí các điểm quan trắc chất lượng nước mặt để lựa chọn các vị trí, thông số phù hợp để quan trắc trầm tích nước mặt với tần suất tối thiểu 02 đợt/năm.

Chi tiết về quy hoạch quan trắc mạng lưới chất lượng nước mặt tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Mạng lưới quan trắc chất lượng nước cửa sông:

a) Vị trí các điểm quan trắc chất lượng nước cửa sông

Tiếp tục duy trì và mở rộng mạng lưới quan trắc chất lượng nước cửa sông tại 76 điểm quan trắc trên cơ sở tiếp tục duy trì quan trắc theo 32 điểm đã có trong quy hoạch kỳ trước đây và mở rộng mới thêm 44 điểm quan trắc tại các cửa sông trước khi đổ ra biển.

Hình thức quan trắc: quan trắc định kỳ.

b) Tần suất quan trắc

- Giai đoạn 2021 - 2025: tối thiểu 08 đợt/năm.

- Giai đoạn 2026 - 2030: tối thiểu 12 đợt/năm.

c) Thông số quan trắc: tối thiểu bao gồm các thông số pH, TOC, TSS, DO, NH_4^+ , Tổng phosphor (TP), Tổng Nitơ (TN), Tổng Coliform.

Chi tiết về quy hoạch quan trắc mạng lưới chất lượng nước cửa sông tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

4. Mạng lưới quan trắc chất lượng nước biển ven bờ:

a) Vị trí các điểm quan trắc chất lượng nước biển ven bờ

- Tiếp tục duy trì và mở rộng mạng lưới quan trắc chất lượng nước biển ven bờ tại 70 điểm quan trắc trên cơ sở tiếp tục duy trì quan trắc theo 43 điểm hiện có và mở rộng mới thêm 27 điểm quan trắc được quy hoạch thực hiện cho giai đoạn năm 2021 - 2030.

- Về hình thức quan trắc:

+ Đối với trạm quan trắc chất lượng nước biển tự động, liên tục: bổ sung vào quy hoạch 06 trạm quan trắc chất lượng nước biển ven bờ tự động, liên tục đang vận hành tại các khu vực biển Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế;

+ Đối với điểm quan trắc chất lượng nước mặt định kỳ: thực hiện quan trắc tác động tại 64 điểm ven bờ thuộc địa bàn các tỉnh ven biển;

+ Tiếp tục duy trì lồng ghép quan trắc nước biển ven bờ với 06 trạm quan trắc hải văn hiện có.

b) Tần suất quan trắc

Đối với hoạt động quan trắc định kỳ, từng bước tăng cường tần suất quan trắc tại các điểm quan trắc, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025: tối thiểu 06 đợt/năm.
- Giai đoạn 2026 - 2030: tối thiểu 08 đợt/năm.

c) Thông số quan trắc: tối thiểu bao gồm các thông số pH, DO, TSS, NH_4^+ , PO_4^{3-} , dầu mỡ khoáng.

d) Lồng ghép các điểm quan trắc trầm tích biển trong 70 điểm quan trắc thuộc mạng lưới quan trắc chất lượng nước biển ven bờ: căn cứ mạng lưới vị trí các điểm quan trắc chất lượng nước biển để lựa chọn các vị trí, thông số phù hợp để quan trắc trầm tích biển với tần suất tối thiểu 02 đợt/năm.

Chi tiết về quy hoạch quan trắc mạng lưới chất lượng nước biển ven bờ tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

5. Mạng lưới quan trắc chất lượng nước biển tại các vùng biển gần bờ và xa bờ

a) Khu vực biển cần quan trắc: thực hiện quan trắc nước biển tại 39 khu vực ưu tiên quan tâm gồm có:

- Khu vực biển miền Bắc (vịnh Bắc Bộ): vùng biển xa bờ gần đảo Bạch Long Vỹ.
- Khu vực biển miền Trung: Vùng biển Tây Hoàng Sa.
- Khu vực biển quần đảo Trường Sa gồm 20 đảo nhỏ.
- Khu vực biển thuộc thềm lục địa phía Nam gồm 14 giàn khoan.
- Khu vực biển Tây Nam Bộ: gồm 01 giàn khoan, đảo Thổ Chu và đảo Phú Quốc.

b) Tần suất quan trắc

Giai đoạn 2021 - 2030: tối thiểu 02 đợt/năm.

c) Thông số quan trắc: tối thiểu bao gồm các thông số pH, As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn, Hg, Xyanua (CN^-), dầu mỡ khoáng.

Chi tiết về quy hoạch quan trắc mạng lưới chất lượng nước tại các vùng biển gần bờ và xa bờ tại Phụ lục V kèm theo Quyết định này.

6. Mạng lưới quan trắc chất lượng đất:

Chương trình quan trắc chất lượng đất quốc gia được xây dựng và thiết kế chi tiết theo các chương trình điều tra, đánh giá chất lượng môi trường đất theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Mạng lưới quan trắc mưa axit

Thiết lập lại mạng lưới quan trắc mưa axit tại 42 điểm quan trắc trên cơ sở tiếp tục duy trì quan trắc theo 11 điểm đã có trong quy hoạch kỳ trước đây và mở rộng mới thêm 31 điểm quan trắc quy hoạch thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030. Trong số 42 điểm quan trắc sẽ bao gồm 26 điểm được lồng ghép tại các trạm quan trắc khí tượng bề mặt hiện có và 16 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục đang được xây dựng.

Tần suất quan trắc: theo trận mưa, theo ngày hoặc theo tuần.

Thông số quan trắc tối thiểu: nhiệt độ, pH, EC.

Chi tiết về quy hoạch mạng lưới quan trắc mưa axit tại Phụ lục VI kèm theo Quyết định này.

8. Mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học

Mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên trên phạm vi toàn quốc, tiến tới sau năm 2030 mở rộng mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học tại các hành lang đa dạng sinh học và khu vực đa dạng sinh học cao thuộc Danh mục Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

a) Vị trí điểm quan trắc đa dạng sinh học:

Tại các khu bảo tồn thiên nhiên; hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học được thành lập.

Về hình thức quan trắc: quan trắc định kỳ.

b) Tần suất quan trắc đa dạng sinh học: 01 đợt/năm.

c) Chỉ thị quan trắc đa dạng sinh học:

Thực hiện theo các chỉ thị quan trắc đa dạng sinh học quy định tại Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Chi tiết về quy hoạch mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học tại Phụ lục VII kèm theo Quyết định này.

9. Mạng lưới quan trắc nước dưới đất

a) Vị trí quan trắc:

Thực hiện quan trắc tại 88 điểm/công trình quan trắc chất lượng nước dưới đất trên cơ sở mạng lưới quan trắc theo quy hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước dưới đất với 60 công trình hiện có, 23 công trình quy hoạch triển khai trong giai đoạn 2021 - 2030 và 05 công trình triển khai vào giai đoạn sau năm 2030.

b) Tần suất quan trắc: tối thiểu 04 đợt/năm

c) Thông số quan trắc tối thiểu: pH, TDS, chỉ số pecmanganat, NH_4^+ , NO_3^- , Fe, As.

Chi tiết về quy hoạch quan trắc mạng lưới chất lượng nước dưới đất tại Phụ lục VIII kèm theo Quyết định này.

10. Căn cứ mục tiêu chương trình quan trắc, các thông số và tần suất quan trắc được khuyến khích mở rộng để tăng dày chuỗi số liệu quan trắc, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường.

11. Mạng lưới đơn vị thực hiện quan trắc và định hướng phát triển:

Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống các phòng thí nghiệm tiên tiến, hiện đại với đầy đủ năng lực và nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình quan trắc môi trường quốc gia. Danh sách các đơn vị thực hiện quan trắc theo quy hoạch quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Quyết định này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các giải pháp chính thực hiện Quy hoạch

a) Giải pháp về chính sách pháp luật, kiện toàn tổ chức bộ máy:

- Hoàn thiện và ban hành các quy trình, quy phạm, chỉ tiêu quan trắc môi trường đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của lĩnh vực quan trắc môi trường.

- Xây dựng các chính sách tăng cường công tác xã hội hóa đối với công tác quan trắc môi trường, huy động sự tham gia của các nguồn lực xã hội đầu tư vào việc triển khai thực hiện mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia.

- Xây dựng quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quan trắc môi trường phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội.

- Rà soát, xây dựng bổ sung các tiêu chuẩn hướng dẫn phương pháp kỹ thuật thực hiện hoạt động quan trắc môi trường.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc mạng lưới quan trắc môi trường đảm bảo đáp ứng việc thực hiện Quy hoạch.

b) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cho hoạt động quan trắc môi trường:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ, thiết bị quan trắc tự động đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật để bổ sung vào mạng lưới quan trắc môi trường, nâng cao năng lực xử lý và lưu trữ dữ liệu quan trắc môi trường nhằm tạo ra hiệu quả ứng dụng dữ liệu.

- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị hiện trường, công cụ, công nghệ phục vụ hoạt động quan trắc đa dạng sinh học; ưu tiên hệ thống thông tin địa lý, các bản đồ và ảnh viễn thám, thiết bị bẫy ảnh, bẫy âm thanh, thiết bị định vị vệ tinh... và các giải pháp công nghệ mới trong thu nhận, truyền dẫn, xử lý dữ liệu thông minh nhằm tối ưu hóa truyền dẫn, khai thác, sử dụng dữ liệu quan trắc đa dạng sinh học...

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ quan trắc mới theo hướng sử dụng các thiết bị quan trắc di động gắn với các phương tiện di chuyển trên sông, trên biển đối với việc quan trắc chất lượng nước.

- Tăng cường sử dụng dữ liệu vệ tinh phục vụ quan trắc, giám sát môi trường phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội.

- Tập trung nghiên cứu, áp dụng, khai thác những công nghệ truyền tin, công nghệ xử lý, phân tích công nghệ hiện đại trong phòng thí nghiệm; công nghệ trí tuệ nhân tạo; công nghệ lưu trữ, xử lý và phục vụ khai thác thông tin dung lượng lớn, kể cả phục vụ khai thác thông tin qua mạng; tạo lập cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường giữa các bộ, ngành, cơ quan đảm bảo khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về quan trắc môi trường phục vụ nhiệm vụ đánh giá chất lượng môi trường. Ứng dụng công nghệ để phục vụ ngày một tốt hơn việc khai thác thông tin quan trắc, bảo đảm hiện thực hóa quyền được cung cấp thông tin quan trắc của người dân.

- Tập trung ưu tiên cho các giải pháp kết nối đồng bộ, tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường trong toàn bộ hệ thống, đảm bảo tận dụng tối đa dữ liệu quan trắc môi trường từ các mạng lưới trạm/điểm quan trắc môi trường cấp quốc gia, cấp tỉnh cũng như các dữ liệu quan trắc môi trường của các ngành, lĩnh vực khác; khuyến khích, xây dựng cơ chế đồng bộ hóa đối với các mạng lưới trạm/điểm quan trắc do các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước đầu tư.

c) Tăng cường đầu tư, huy động nguồn lực tài chính:

- Đầu tư xây lắp, trang thiết bị: huy động tối đa nguồn tài chính từ các thành phần kinh tế để đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị và công nghệ hiện đại cho hoạt động quan trắc môi trường.

- Duy trì vận hành quan trắc: bố trí kinh phí chủ yếu từ nguồn ngân sách.

- Đào tạo, chuyển giao kinh nghiệm, chia sẻ thông tin: huy động nguồn kinh phí từ các dự án quốc tế, dự án chuyển giao/hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và một phần từ ngân sách đầu tư cơ sở vật chất cho các phòng thí nghiệm, các trung tâm phân tích môi trường, các trường đào tạo quan trắc môi trường.

- Mạng lưới các trạm quan trắc tự động, liên tục cần tiếp tục được mở rộng đầu tư theo quy hoạch mới đảm bảo mật độ dữ liệu quan trắc truyền về mạng lưới dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu kịp thời cảnh báo, dự báo diễn biến chất lượng môi trường.

- Tăng cường bố trí nguồn tài chính cho công tác quan trắc môi trường, bao gồm hoạt động quan trắc môi trường định kỳ và các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ cần bố trí thêm nguồn để các đơn vị quan trắc có thể tăng tần suất và các thông số quan trắc, đảm bảo phản ánh tốt hơn nữa hiện trạng chất lượng môi trường. Các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục cần tập trung làm làm dày hơn nữa mạng lưới các trạm quan trắc, đồng thời đảm bảo nguồn lực (nhân sự, tài chính...) cho việc duy trì hoạt động các trạm.

- Bố trí kinh phí đầu tư mạng lưới hạ tầng/phần mềm kết nối và truyền/nhận, xử lý, quản lý dữ liệu.

- Bố trí kinh phí duy trì hệ thống cung cấp thông tin, dữ liệu.

- Bố trí kinh phí duy trì vận hành hệ thống quản lý dữ liệu (bao gồm cập nhật dữ liệu, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống).

d) Mở rộng hợp tác quốc tế:

- Hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, các mạng lưới quan trắc quốc tế để đưa các chương trình trao đổi kinh nghiệm, thông tin, dữ liệu quan trắc theo tiêu chuẩn quốc tế về thực hiện phân tích môi trường và các nội dung liên quan đến thực hiện quy hoạch quan trắc môi trường, ví dụ mạng lưới quan trắc mưa axit Đông Á, mạng lưới không khí sạch, các chương trình quan trắc ô nhiễm

xuyên biên giới (nước, không khí...).

- Đẩy mạnh, ưu tiên xây dựng, thực hiện chương trình, dự án nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm cho công tác quan trắc đa dạng sinh học.

- Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực nghiên cứu, cải thiện công nghệ, kỹ thuật quan trắc môi trường với các tổ chức có kinh nghiệm trong khu vực và các quốc gia tiên tiến.

đ) Tăng cường công tác đào tạo:

- Tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại ở trong nước và nước ngoài nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quan trắc và phân tích có chuyên môn cao, đảm bảo lực lượng cán bộ kế cận.

- Nghiên cứu, đổi mới chương trình đào tạo quan trắc viên môi trường theo hướng có chọn lọc, bảo đảm quan trắc viên được đào tạo có thể thực hiện được nhiều loại hình quan trắc, một số được đào tạo chuyên sâu thành kỹ thuật viên.

- Đẩy mạnh đào tạo lại để nâng cao nghiệp vụ, tay nghề cho đội ngũ cán bộ, kỹ thuật viên và quan trắc viên hiện có, chú trọng nâng cao năng lực thực hành của quan trắc viên đáp ứng yêu cầu vận hành của từng trạm, điểm quan trắc và của toàn bộ mạng lưới.

- Định kỳ hướng dẫn các địa phương và tổ chức liên quan để duy trì và tăng cường năng lực nhân sự quan trắc môi trường thông qua các hội thảo, hội nghị hướng dẫn kỹ thuật theo chuyên đề như tổ chức triển khai và chia sẻ kinh nghiệm thực hiện các chương trình quan trắc định kỳ, tập huấn kỹ thuật về quan trắc tự động và quản lý dữ liệu quan trắc tự động, liên tục hoặc tập huấn kỹ thuật, công nghệ mới trong hoạt động quan trắc và phân tích môi trường.

2. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Nguồn nhân lực:

- Tận dụng nguồn nhân lực sẵn có từ các trung tâm quan trắc môi trường địa phương (hoặc đơn vị vận hành trạm/điểm quan trắc), điều chuyển/bổ sung tương ứng với các trạm/điểm mới.

- Tiếp tục củng cố các phòng thí nghiệm hiện có, từng bước đổi mới trang thiết bị và công nghệ phân tích.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc môi trường (từ việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, gia công, phân tích các loại mẫu phục vụ mạng lưới quan trắc môi trường) để áp

dụng thống nhất tại tất cả các phòng thí nghiệm. Khuyến khích, hỗ trợ các phòng thí nghiệm đăng ký đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch đào tạo, tăng cường năng lực, thực hiện kiểm tra/kiểm soát năng lực/tay nghề quan trắc viên theo quy định.

- Trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu, các công nghệ kỹ thuật mới liên quan đến quan trắc, giám sát môi trường.

b) Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí thực hiện Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia gồm:

- Ngân sách nhà nước: nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường. Kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên của mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia phải cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy hoạch từ nay đến năm 2050.

- Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tham gia góp vốn điều tra cơ bản tài nguyên nước theo hình thức công tư hoặc xã hội hóa khác.

3. Các chương trình, dự án ưu tiên

Danh mục các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện Quy hoạch ban hành kèm theo tại Phụ lục X của Quyết định này.

4. Phân công thực hiện quy hoạch

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ/ngành liên quan tổ chức các chương trình quan trắc để triển khai thực hiện các nội dung Quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện việc xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy hoạch, đảm bảo tính liên kết với các trạm quan trắc môi trường của địa phương.

- Xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về quan trắc, truyền nhận, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường để áp dụng thống nhất trong cả nước; thống nhất cơ sở dữ liệu quan trắc; quản lý, tích hợp, cung cấp thông tin quan trắc môi trường.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu môi trường cho các bộ, ngành, địa phương, đơn vị có nhu cầu và công khai hóa các thông tin, dữ liệu phục vụ nâng cao dân trí, giáo dục, truyền thông.

- Kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, định kỳ đánh giá, phối hợp với các cơ quan rà soát quy hoạch và báo cáo Thủ tướng Chính phủ để điều chỉnh quy hoạch khi cần thiết.

- Căn cứ vào thực tiễn hoạt động quản lý, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường tại các khu vực cần giám sát đặc biệt, các chương trình quan trắc môi trường theo chuyên đề nhằm phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý môi trường.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Quy hoạch này.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công, nhằm triển khai thực hiện Quy hoạch.

c) Bộ Tài chính:

Tổng hợp từ đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ của Quy hoạch.

d) Các bộ, ngành có liên quan:

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất và hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về quan trắc, phương thức trao đổi thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường áp dụng cho các trạm, điểm quan trắc do các bộ, ngành quản lý.

- Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường thuộc quy hoạch này do các bộ, ngành quản lý và gửi thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường phục vụ mục tiêu quản lý của ngành theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và gửi thông tin, dữ liệu về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp trong hệ thống dữ liệu về quan trắc môi trường.

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và triển khai mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia.

- Trên cơ sở mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, chỉ đạo xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường của địa phương đảm bảo tính liên kết với mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia.

- Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả quan trắc môi trường tại các trạm, điểm quan trắc do địa phương quản lý, vận hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế nội dung quy hoạch về quan trắc môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung của Quy hoạch.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

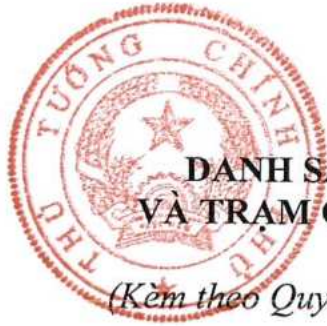
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).110

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà



Phụ lục I
DANH SÁCH ĐIỂM QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ ĐỊNH KỲ
VÀ TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ QUY HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
I	KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG													
1	Lai Châu	Lai Châu	Thành phố Lai Châu	K1		x	x		x				x	
2	Lai Châu	Trạm Mường Tè	Huyện Mường Tè	K2	x		x		x				x	
3	Lào Cai	Lào Cai	Thành phố Lào Cai	K3		x	x		x				x	
4	Hà Giang	Hà Giang	Thành phố Hà Giang	K4		x	x		x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
5	Cao Bằng	Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	K5		x	x		x				x	
6	Điện Biên	Điện Biên	Thành phố Điện Biên	K6		x	x		x				x	
7	Sơn La	Sơn La	Thành phố Sơn La	K7		x			x	x	x			
8	Phú Thọ	Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	K8		x			x		x			
9	Vĩnh Phúc	Phúc Yên	Thành phố Phúc Yên	K9		x		x			x			
10	Vĩnh Phúc	Bình Xuyên	Huyện Bình Xuyên	K10		x		x			x			
11	Vĩnh Phúc	KDC Thành phố Vĩnh Yên	Thành phố Vĩnh Yên	K11		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
12	Vĩnh Phúc	Quốc lộ 2, khu vực đầu vào thành phố Vĩnh Yên	Thành phố Vĩnh Yên	K12		x		x				x		
13	Bắc Giang	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	K13		x			x	x				
14	Lạng Sơn	Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn	K14		x	x		x		x	x		
15	Hà Nội	Trạm Lãng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Quận Ba Đình	K15		x			x		x			
16	Hà Nội	Trạm Thủy văn môi trường Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	K16		x			x	x	x			
17	Hà Nội	Trạm Quan trắc Đại học Bách Khoa	Quận Hai Bà Trung	K17		x			x		x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
18	Hà Nội	Trạm Láng	Quận Đống Đa	K18		x			x	x				
19	Hà Nội	Khu dân cư Trung hoà - Nhân Chính	Quận Cầu Giấy	K19		x		x			x			
20	Hà Nội	Công viên Thanh Xuân	Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy	K20		x			x		x			
21	Hà Nội	Khu dân cư Tây Hồ	Quận Tây Hồ	K21		x		x					x	
22	Hà Nội	KDC quận Long Biên	Quận Long Biên	K22		x		x					x	
23	Hà Nội	Đường Phùng Hưng	Quận Hà Đông	K23		x		x			x			
24	Hà Nội	Khu dân cư gần NM Bia Hà Đông	Quận Hà Đông	K24		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
25	Hà Nội	Ba La	Quận Hà Đông	K25		x		x			x			
26	Hà Nội	Bắc Từ Liên	Quận Bắc Từ Liên	K26		x			x		x			
27	Hà Nội	Trạm quan trắc Văn Tiên Dũng	Quận Bắc Từ Liên	K27		x			x				x	
28	Hà Nội	KDC huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm	K28		x		x					x	
29	Hà Nội	KDC huyện Đông Anh	Huyện Đông Anh	K29		x		x					x	
30	Hà Nội	KCN Thăng Long	Huyện Đông Anh	K30		x		x			x			
31	Hà Nội	KCN Nội Bãi	Huyện Sóc Sơn	K31		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí trọng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
32	Hà Nội	KCN Quang Minh	Huyện Mê Linh	K32		x		x					x	
33	Hà Nội	KDC huyện Quốc Oai - Thạch Thất	Huyện Thạch Thất	K33		x		x					x	
34	Bắc Ninh	KCN Tiên Sơn	Huyện Tiên Du và huyện Từ Sơn	K34		x		x			x			
35	Bắc Ninh	KCN Quế Võ	Huyện Quế Võ	K35		x		x			x			
36	Bắc Ninh	KDC thành phố Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	K36		x		x			x			
37	Bắc Ninh	Gia Bình, gần cầu Bình Than	Huyện Gia Bình	K37		x		x			x			
38	Bắc Ninh	KCN Yên Phong	Huyện Yên Phong	K38		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
39	Hung Yên	KCN Phố Núi A	KCN Phố Núi A	K39		x		x			x			
40	Hung Yên	Như Quỳnh	Huyện Văn Lâm	K40		x		x			x			
41	Hung Yên	KDC Phố Núi	Huyện Yên Mỹ	K41		x		x			x			
42	Hung Yên	Trạm Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên	K42		x			x		x			
43	Hải Dương	Minh Tân	Huyện Kinh Môn	K43		x		x					x	
44	Hải Dương	KDC Chí Linh	Thị xã Chí Linh	K44		x		x					x	
45	Hải Dương	KDC Cẩm Thượng	Thành phố Hải Dương	K45		x		x					x	
46	Hải Dương	KDC Quảng trường thành phố	Thành phố Hải dương	K46		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
47	Hải Dương	Trạm Hải Dương	Thành phố Hải Dương	K47		x			x					
48	Hải Phòng	KCN Nomura	Huyện An Dương	K48		x		x			x			
49	Hải Phòng	KCN Nam Đình Vũ	Quận Hải An	K49		x		x					x	
50	Hải Phòng	Thị trấn Núi Đèo	Huyện Thủy Nguyên	K50		x		x					x	
51	Hải Phòng	Trạm nền đồng bằng sông Hồng	Xã Việt Hải, huyện Cát Hải (đảo Cát Bà)	K51	x				x				x	
52	Hải Phòng	Trạm Phù Liễn	Quận Kiến An	K52		x			x	x	x			
53	Quảng Ninh	KCN Cái Lân	Thành phố Hạ Long	K53		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
54	Quảng Ninh	Khu dân cư Hà Tu	Thành phố Hạ Long	K54		x		x			x			
55	Quảng Ninh	Cao Thắng	Thành phố Hạ Long	K55		x		x			x			
56	Quảng Ninh	Hồng Hà	Thành phố Hạ Long	K56		x			x			x	x	
57	Quảng Ninh	Vân Đồn	Huyện Vân Đồn	K57		x		x					x	
58	Quảng Ninh	KDC thành phố Uông Bí	Thành phố Uông Bí	K58		x		x					x	
59	Hà Nam	Trạm Phú Lý	Thành phố Phú Lý	K59		x			x		x			
60	Ninh Bình	Trạm Cúc Phương	Huyện Nho Quan	K60		x			x	x	x			
61	Thái bình	Trạm Thái Bình	Thành phố Thái Bình	K61		x			x		x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
II KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN														
62	Thanh Hóa	Trạm Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hóa	K62		x			x			x	x	
63	Nghệ An	Trạm Vinh	144 Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, TP Vinh	K63		x			x	x	x			
64	Nghệ An	Trạm Tương Dương	Huyện Tương Dương	K64		x	x		x					x
65	Hà Tĩnh	Kỳ Phương	Thị xã Kỳ Anh	K65		x			x		x			
66	Quảng Bình	Hòn La	Huyện Quảng Trạch	K66		x			x		x			
67	Quảng Bình	Ngã 4 Ba Đôn	Huyện Quảng Trạch	K67		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
68	Quảng Bình	Ngã 4 Cao Thắng - Lý Thánh Tông	Thành phố Đồng Hới	K68		x		x					x	
69	Quảng Bình	Trạm khí Bắc Đồng Hới	Huyện Bồ Trạch	K69		x			x					x
70	Thừa Thiên Huế	Bắc Khu KTTH Chân Mây - Lăng Cô	Huyện Phú Lộc	K70		x		x			x			
71	Thừa Thiên Huế	Nam Khu KTTH Chân Mây - Lăng Cô	Huyện Phú Lộc	K71		x		x			x			
72	Thừa Thiên Huế	Hương Thủy	Thị xã Hương Thủy	K72		x		x			x			
73	Thừa Thiên Huế	Chợ Đông Ba	Thành phố Huế	K73		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
74	Thừa Thiên Huế	Đường Thạch Hãn	Thành phố Huế	K74		x		x			x			
75	Thừa Thiên Huế	Chợ Tứ Hạ	Thị xã Hương Trà	K75		x		x				x		
76	Thừa Thiên Huế	Trạm Thành phố Huế	Phường Xuân Phú, thành phố Huế	K76		x			x		x			
77	Quảng Nam	Khu dân cư gần Cảng Kỳ Hà	Huyện núi Thành	K77		x		x			x			
78	Quảng Nam	Trường Hải	Huyện núi Thành	K78		x		x			x			
79	Quảng Nam	KCN Tam Hiệp	Huyện núi Thành	K79		x		x			x			
80	Quảng Nam	KKT Chu Lai	Huyện núi Thành	K80		x		x				x		

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
81	Quảng Nam	KCN Điện Nam - Điện Ngọc	Huyện Điện Bàn	K81		x		x			x			
82	Quảng Nam	Chợ Tam Kỳ	Thành phố Tam Kỳ	K82		x		x			x			
83	Quảng Nam	Trạm Tam Kỳ	Đường Hùng Vương, phường An Sơn, TP Tam Kỳ	K83		x			x		x			
84	Quảng Nam	Hội An	Thành phố Hội An	K84		x		x					x	
85	Quảng Nam	Trạm Cù Lao Chàm	Đảo Cù Lao Chàm	K85	x				x				x	
86	Đà Nẵng	Khu vực KCN Liên Chiểu và Cảng Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	K86		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
87	Đà Nẵng	KCN Hòa Khánh	Quận Chiêu Liên	K87		x		x			x			
88	Đà Nẵng	Vòng xoay Tiểu La	Quận Châu Hải	K88		x		x					x	
89	Đà Nẵng	Ngã tư Vương Thừa Vũ - Ngô Quyền	Quận Sơn Trà	K89		x		x					x	
90	Đà Nẵng	Khu công nghệ cao	Huyện Hòa Vang	K90		x		x					x	
91	Đà Nẵng	Điểm chợ miếu Bông	Quận Cẩm Lệ	K91		x		x					x	
92	Đà Nẵng	Trạm khí Nguyễn Lương Bằng	Quận Chiêu Liên	K92		x			x		x			
93	Đà Nẵng	Trạm khí Trung Nữ Vương	Quận Châu Hải	K93		x			x	x	x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
94	Đà Nẵng	Trạm khí Lê Duẩn	Phường Hải Châu 1, quận Hải Châu	K94		x			x					
95	Quảng Ngãi	KKT Dung Quất	Huyện Bình Sơn	K95		x		x			x			
96	Quảng Ngãi	KCN Quảng Phú	Thánh phố Quảng Ngãi	K96		x		x			x			
97	Quảng Ngãi	Trung tâm thành phố	Thành phố Quảng Ngãi	K97		x		x			x			
98	Quảng Ngãi	KCN VSIP Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	K98		x		x				x		
99	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Quang Trung - Nguyễn Nghiem	K99		x			x		x			
100	Bình Định	Khu KTTH Nhơn Hội	Thành phố Quy Nhơn	K100		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
101	Bình Định	Khu dân cư Nhơn Hội	Thành phố Quy Nhơn	K101		x		x			x			
102	Bình Định	KCN Phú Tài	Thành phố Quy Nhơn	K102		x		x			x			
103	Bình Định	Phường Quang Trung	Thành phố Quy Nhơn	K103		x		x			x			
104	Bình Định	Trạm khí Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	K104		x			x		x			
105	Kon Tum	Duy Tân	Thành phố Kon Tum	K105		x			x					x
106	Gia Lai	Trạm Pleiku	Phường Trà Bá, TP. Pleiku	K106		x			x	x	x			
107	Đăk Lăk	Buôn Hồ	Thị xã Buôn Hồ	K107		x			x					x

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
108	Đắk Nông	Khu vực tuyển quặng nhà máy Nhân Cơ	Huyện Đắk RLấp	K108		x		x					x	
109	Đắk Nông	Công chính nhà máy Nhân Cơ	Huyện Đắk RLấp	K109		x		x					x	
110	Đắk Nông	Gia Nghĩa	Huyện Đắk Mil	K110	x		x		x				x	
111	Lâm Đồng	Ngã ba mỏ tuyển	Huyện Lâm Bảo	K111		x		x					x	
112	Lâm Đồng	Công chính nhà máy sản xuất Alumin	Huyện Lâm Bảo	K112		x		x					x	
113	Lâm Đồng	Vườn hoa Hùng Vương	Huyện Di Linh	K113		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
114	Lâm Đồng	Trạm khí Đà Lạt	Hai Bà Trưng - phường 2 - thành phố Đà Lạt	K114		x			x					
115	Khánh Hòa	Ngã 3 Hùng Vương - Nguyễn Chí Thanh	Thánh phố Cam Ranh	K115		x		x					x	
116	Khánh Hòa	KKT Vân Phong	Huyện Ninh Hòa	K116		x		x					x	
117	Khánh Hòa	Trạm khí Nha Trang	Thành phố Nha Trang	K117		x			x		x			
118	Ninh Thuận	Trạm khí Phan Rang	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	K118		x			x		x			
III	KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ													
119	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bùng binh Đài Liệt Sĩ	Thánh phố Vũng Tàu	K119		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí trọng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
120	Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Mỹ Xuân A	Thị xã Phú Mỹ	K120		x		x			x			
121	Bà Rịa - Vũng Tàu	Vòng xoay quốc lộ 56 - cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Thành phố Bà Rịa	K121		x		x					x	
122	Bà Rịa - Vũng Tàu	Vòng xoay Hùng Vương và Điện Biên Phủ	Thành phố Bà Rịa	K122		x		x					x	
123	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đường vào cảng Cái Mép	Thị xã Phú Mỹ	K123		x		x					x	
124	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm thành phố Vũng Tàu	Phường 8, thành phố Vũng Tàu	K124		x			x		x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
125	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm Thị xã Phú Mỹ	Thị xã Phú Mỹ	K125		x			x					x
126	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm thành phố Bà Rịa	Thành phố Bà Rịa	K126		x			x					x
127	Đồng Nai	Ngã ba Dầu Giây	Huyện Thống Nhất	K127		x		x			x			
128	Đồng Nai	Quảng trường Tỉnh	Thành phố Biên Hòa	K128		x		x			x			
129	Đồng Nai	Ngã ba Vũng Tàu	Thành phố Biên Hòa	K129		x		x			x			
130	Đồng Nai	Vòng xoay vào ga Biên Hòa	Thành phố Biên Hòa	K130		x		x					x	
131	Đồng Nai	Nút giao cao tốc Long Thành Dầu Giây và quốc lộ 51	Huyện Long Thành	K131		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí trọng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
132	Đồng Nai	Sân bay Long Thành	Huyện Long Thành	K132		x			x					x
133	Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch	Huyện Nhơn Trạch	K133		x		x					x	
134	Đồng Nai	Trạm nền vùng Đông Nam Bộ	Xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	K134	x				x				x	
135	Bình Dương	Mỹ Phước Tân Vạn	Thành phố Dĩ An	K135		x		x					x	
136	Bình Dương	KCN Nam Tân Uyên	Thành phố Tân Uyên	K136		x		x					x	
137	Bình Dương	Khu Đô thị CN Mỹ Phước	Thị xã Bến Cát	K137		x		x			x			
138	Bình Dương	Khu đô thị CN Bàu Bàng	Huyện Bàu Bàng	K138		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí trọng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
139	Bình Duong	ĐT746 và VD4	Huyện Bắc Tân Uyên	K139		x		x				x		
140	Bình Duong	Nút giao Vành đai 3 và Quốc lộ 13	Thành phố Thuận An	K140		x		x				x		
141	Bình Duong	Trạm khí thành phố Dĩ An	Phường Bình Thắng, TP Dĩ An	K141		x			x				x	
142	Bình Duong	Trạm khí Thủ Dầu Một	Thành phố Thủ Dầu Một	K142		x			x		x			
143	Bình Duong	Trạm khí Nam Tân Uyên	Thành phố Tân Uyên	K143		x			x				x	
144	Bình Phước	KCN Minh Hưng	Thị xã Chơn Thành	K144		x		x			x			
145	Bình Phước	Vòng xoay TP Đồng Xoài	Thành phố Đồng Xoài	K145		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
146	Bình Phước	Vòng xoay giao lộ Nguyễn Huệ - Nguyễn Chí Thanh	Thị xã Bình Long	K146		x		x					x	
147	Bình Phước	KCN Becamex Bình Phước	Huyện Chơn Thành	K147		x		x					x	
148	Bình Phước	Trạm khí Cửa khẩu Hoa Lư	Huyện Lộc Ninh	K148		x	x		x					x
149	Tây Ninh	KKT Cửa khẩu Mộc Bãi	Huyện Bến Cầu	K149		x	x	x			x			
150	Tây Ninh	KCN Trảng Bàng	Huyện Trảng Bàng	K150		x		x			x			
151	Tây Ninh	Cửa khẩu Xa Mát	Huyện Tân Biên	K151		x	x	x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí trọng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
152	Tây Ninh	Cửa khẩu Kà Tum	Huyện Tân Châu	K152		x	x	x					x	
153	Tây Ninh	KCN Phước Đông	Huyện Gò Dầu	K153		x		x					x	
154	Tây Ninh	Ngã tư Nguyễn Chí Thanh và Trường Chinh	Thành phố Tây Ninh	K154		x		x					x	
155	Tây Ninh	Cửa Khẩu Mộc Bài	Cửa khẩu Mộc Bài	K155		x	x		x				x	
156	Thành phố Hồ Chí Minh	KCN Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	K156		x		x			x			
157	Thành phố Hồ Chí Minh	Ngã tư Bình Phước	Thành phố Thủ Đức	K157		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
158	Thành phố Hồ Chí Minh	Đường dẫn cao tốc TPHCM Trung Lương và quốc lộ 1A	Huyện Bình Chánh	K158		x		x			x			
159	Thành phố Hồ Chí Minh	Nút giao vành đai 2 và cao tốc Long Thành Dầu Giây	Thành phố Thủ Đức	K159		x		x					x	
160	Thành phố Hồ Chí Minh	Ngã tư Bốn Xã	Ngã tư Bốn Xã	K160		x		x					x	
161	Thành phố Hồ Chí Minh	Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi	Quận Bình Tân	K161		x		x					x	
162	Thành phố Hồ Chí Minh	Vòng xoay Lăng Cha Cả	Huyện Củ Chi	K162		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
163	Thành phố Hồ Chí Minh	Cầu Vượt trạm 2	Thành phố Thủ Đức	K163		x		x					x	
164	Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà Thờ Đức Bà	Quận 1	K164		x		x					x	
165	Thành phố Hồ Chí Minh	Vòng xoay Lý Thái Tổ	Quận 10	K165		x		x					x	
166	Thành phố Hồ Chí Minh	KCN Vĩnh Lộc	Quận Bình Tân	K166		x		x					x	
167	Thành phố Hồ Chí Minh	Đường vào Bãi rác Đa Phước	Quận Bình Chánh	K167		x		x					x	
168	Thành phố Hồ Chí Minh	KDC Phú Mỹ Hưng	Quận 7	K168		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
169	Thành phố Hồ Chí Minh	Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông nam Bộ	Trạm quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ, phường Bình Trưng Tây, TP Thủ Đức	K169		x			x					
170	Thành phố Hồ Chí Minh	Trạm quan trắc Lý Chính Thắng	Cơ quan Bộ TNMT tại 200 Lý Chính Thắng	K170		x			x		x			
171	Thành phố Hồ Chí Minh	Trạm Tân Phú	Quận Tân Phú	K171		x			x				x	
172	Thành phố Hồ Chí Minh	Trạm khí Nhà Bè	Ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè	K172		x			x	x	x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
173	Thành phố Hồ Chí Minh	Trạm khí Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	K173		x			x					x
IV	KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG													
174	Long An	Thị trấn Đức Hòa - Tỉnh Lộ 10	Huyện Đức Hòa	K174		x		x			x			
175	Long An	KCN Thuận Đạo	Huyện Bến Lức	K175		x		x			x			
176	Long An	Ngã ba mũi tàu thị trấn Cần Giuộc	Huyện Cần Giuộc	K176		x		x					x	
177	Long An	Cửa Khẩu Bình Hiệp	Thị xã Kiến Tường	K177		x	x	x					x	
178	Long An	Trạm khí Long An	Thành phố Tân An	K178		x			x		x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
179	Tiền Giang	KCN Tân Hương	Huyện Châu Thành	K179		x		x					x	
180	Tiền Giang	Ngã Tư Đông Tâm	Huyện Châu Thành	K180		x		x					x	
181	Tiền Giang	Ngã tư Hùng Vương - Nguyễn Trãi	Thành phố Mỹ Tho	K181		x		x					x	
182	Tiền Giang	Trung tâm thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	K182		x		x					x	
183	Đồng Tháp	Trạm nền Vùng đồng bằng sông Cửu Long	Vườn quốc gia Tràm Chim	K183	x				x				x	
184	An Giang	KCN Bình Long, Bình Chánh	Huyện Châu Phú	K184		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí trọng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
185	An Giang	Khu du lịch Núi Sam, P. Núi Sam	Thành phố Châu Đốc	K185		x		x			x			
186	An Giang	Cửa khẩu Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên	K186		x	x	x					x	
187	An Giang	Cửa khẩu Khánh Bình	Huyện An Phú	K187		x	x	x					x	
188	An Giang	KCN Bình Hòa	Huyện Châu Thành	K188		x		x					x	
189	An Giang	Ngã tư Lê Hong - Trần Hưng Đạo	Thành phố Long Xuyên	K189		x		x					x	
190	Cần Thơ	Ngã 4 CMT8 - Hùng Vương	Quận Ninh Kiều	K190		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
191	Cần Thơ	KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc	Quận Bình Thủy	K191		x		x			x			
192	Cần Thơ	Ngã ba Lộ Tẻ (KCN Thốt Nốt)	Quận Thốt Nốt	K192		x		x			x			
193	Cần Thơ	Trạm Quan trắc môi trường vùng Tây Nam Bộ	Huyện Phong Điền	K193		x		x			x			
194	Cần Thơ	Giao lộ quốc lộ 1A - quốc lộ 61B	Quận Cái Răng	K194		x		x			x			
195	Cần Thơ	KCN VSIP Cần Thơ	Huyện Vĩnh Thạnh	K195		x		x					x	
196	Cần Thơ	Ngã tư Nguyễn Văn Cừ và Nguyễn	Quận Ninh Kiều	K196		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
		Văn Linh												
197	Cần Thơ	Trung tâm Nhiệt điện Ô Môn	Quận Ô Môn	K197		x		x					x	
198	Cần Thơ	Trung tâm thành phố Cần Thơ	Quận Kiều Ninh	K198		x			x	x	x			
199	Hậu Giang	Nút giao cao tốc Cần Thơ Cà Mau và quốc lộ 1A	Xã Long Thạnh, Phụng Hiệp	K199		x		x					x	
200	Hậu Giang	Giao lộ giữa Võ Nguyên Giáp với quốc lộ 61C	Xã Vị Trung, huyện Vị Thủy/phường 5 TP. Vị Thanh	K200		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
201	Hậu Giang	Vòng xoay cầu Nguyễn Công Trứ	Phường 1, TP. Vị Thanh	K201		x		x					x	
202	Hậu Giang	Trung tâm thành phố Vị Thanh	Phường 1, phường 4, phường 5, TP. Vị Thanh	K202		x			x					x
203	Kiên Giang	Cảng Cá Tắc Cậu, Rạch Sỏi	Huyện Châu Thành	K203		x		x			x			
204	Kiên Giang	Ngã ba đi Hà Tiên, Trần Phú - Mạc Cửu	Thành phố Rạch Giá	K204		x		x			x			
205	Kiên Giang	Khu vực gần nhà máy Xi măng Vicem Hà Tiên	Thị trấn Kiên Lương	K205		x		x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
206	Kiên Giang	Trung tâm TX. Hà Tiên (Mạc Cửu - Mạc Thiên Tích - Phương Thành)	Thành phố Hà Tiên	K206		x		x			x			
207	Kiên Giang	Vòng xoay Nguyễn Trung Trực và Phan Thị Ràng	Thành phố Rạch Giá	K207		x		x					x	
208	Kiên Giang	Cửa Khẩu Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	K208		x	x	x					x	
209	Kiên Giang	Trạm Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	K209		x			x					x
210	Kiên Giang	Trung tâm thành phố Rạch Giá	Thành phố Rạch Giá	K210		x			x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
211	Cà Mau	Bến xe Cà Mau, phường 6	Thành phố Cà Mau	K211		x		x			x			
212	Cà Mau	Ngã 4 đường Nguyễn Trãi - Ngô Quyền	Thành phố Cà Mau	K212		x		x			x			
213	Cà Mau	Vòng xoay quảng lộ phụng hiệp và đường 961	Thành phố Cà Mau	K213		x		x					x	
214	Cà Mau	Trung tâm thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	K214		x		x					x	
215	Cà Mau	KCN Khánh An + Cụm Khí điện đạm Cà Mau	Huyện U Minh	K215		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích			Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm khí tượng bề mặt	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
216	Cà Mau	Trạm khí U Minh	Huyện U Minh	K216		x			x					x
	Tổng số				6	210	18	148	68	10	103	3	98	15



Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC NƯỚC MẶT ĐỊNH KỲ VÀ CÁC TRẠM QUAN TRẮC
TỰ ĐỘNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT PHÂN CHIA THEO LƯU VỰC SÔNG QUY HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
I	SÔNG HỒNG, ĐÀ - THÁI BÌNH														
1	Điện Biên	Trạm Mường Lay	Thị Xã Mường Lay	NM1		x				x			x		x
2	Lai Châu	Trạm Mường Tè	Huyện Mường Tè	NM2		x	x			x			x	x	
3	Tuyên Quang	Trạm Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	NM3		x				x			x		x
4	Hà Nam	Cầu Yên Lệnh	Huyện Duy Tiên	NM4		x			x			x			
5	Hà Nam	Mộc Bắc	Mộc Bắc	NM5		x			x			x			
6	Hà Nam	Cầu Hung Hà, Lý Nhân	Huyện Lý Nhân	NM6		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
7	Thái Bình	Trạm Thái Bình (đầu nguồn sông Trà Lý)	Huyện Đông Hưng	NM7		x				x					x
8	Hải Dương	Phả Lại	Thị xã Chí Linh	NM8		x			x			x			
9	Hải Dương	Phường Hưng Đạo	Thị xã Chí Linh	NM9		x			x				x		
10	Hải Dương	Trạm Tứ Kỳ	Huyện Tứ Kỳ	NM10		x				x			x		x
11	Hải Dương	Cầm Vãn	Huyện Cẩm Giàng	NM11		x			x			x			
12	Hải Dương	Cầu Phú Lương	Thành phố Hải Dương	NM12		x			x			x			
13	Hải Dương	Hợp Đức	Huyện Thanh Hà	NM13		x			x			x			
14	Hải Dương	Cầu Thái Bình	Huyện Thanh Hà	NM14		x			x				x		
15	Hải Phòng	Khu vực thượng lưu Công Trung Trang	Huyện An Lão	NM15		x				x					x

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
16	Hoà Bình	Cầu Hòa Bình	Thành phố Hòa Bình	NM16		x			x			x			
17	Hoà Bình	NM thủy điện Hòa Bình	NM thủy điện Hòa Bình	NM17		x		x	x			x			
18	Hoà Bình	Trạm Kỳ Sơn	Huyện Kỳ Sơn	NM18		x				x			x		x
19	Lào Cai	Bảo Hà	Huyện Bảo Hà	NM19		x			x			x			
20	Lào Cai	Cầu Phố Lu	Cầu Phố Lu	NM20		x			x			x			
21	Lào Cai	Cửa khẩu Bản Vược	Cửa khẩu Bản Vược	NM21		x	x		x			x			
22	Lào Cai	Lũng Pô	Huyện Bát Xát	NM22		x	x		x			x			
23	Lào Cai	Nậm Thi	Thành phố Lào Cai	NM23		x	x		x			x			
24	Lào Cai	Trạm Bát Xát	Huyện Bát Xát	NM24	x		x			x			x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
25	Nam Định	Lộc Hạ	Thành phố Nam Định	NM25		x			x				x		
26	Nam Định	Ngã ba sông Hồng và Ninh Cơ	Huyện Xuân Trường	NM26		x			x		x				
27	Nam Định	Cầu Tân Đệ	Thành phố Nam Định	NM27		x			x				x		
28	Nam Định	Bến đò Nam Thanh	Huyện Nam Trực	NM28		x			x				x		
29	Nam Định	Bến đò Cát	Huyện Xuân Trường	NM29		x			x				x		
30	Nam Định	Xã Yên Trị, huyện Ý Yên, Nam Định	Xã Yên Trị, huyện Ý Yên, Nam Định	NM30		x				x		x			
31	Nam Định	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, Nam Định	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản	NM31		x				x		x			
32	Nam Định	Phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, Nam Định	Phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định	NM32		x				x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
33	Nam Định	Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, Nam Định	Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định	NM33		x				x					
34	Phú Thọ	Xã Liên Phương	Huyện Hạ Hòa	NM34		x			x					x	
35	Phú Thọ	Cầu Sông Hồng	Huyện Cẩm Khê	NM35		x			x					x	
36	Phú Thọ	Điểm hợp lưu Sông Hồng với Sông Đà	Huyện Lâm Thao	NM36		x			x					x	
37	Phú Thọ	Chợ Mè	Thị Xã Phú Thọ	NM37		x			x			x			
38	Vĩnh Phúc	Đức Bác	Huyện Sông Lô	NM38		x			x			x			
39	Phú Thọ	Hạ Hòa	Huyện Hạ Hòa	NM39		x			x			x			
40	Phú Thọ	KCN phía Nam TP. Việt Trì	Thành phố Việt Trì	NM40		x			x			x			
41	Phú Thọ	Trạm nước Hợp Hải	Huyện Lâm Thao	NM41		x				x			x		x

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
42	Hà Nội	Cầu Văn Lang	Huyện Ba Vi	NM42		x			x					x	
43	Hà Nội	Bến phà Thọ An	Xã Thọ An, huyện Đan Phượng	NM43		x			x					x	
44	Hà Nội	Bến phà Mễ Sở	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín	NM44		x			x					x	
45	Hà Nội	Bến phà An Cảnh	Xã Lê Lợi, huyện Thường Tín	NM45		x			x					x	
46	Hà Nội	Bến đò Đại Gia	Xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên	NM46		x			x					x	
47	Hà Nội	Cầu Thanh Trì	Quận Hoàng Mai	NM47		x			x			x			
48	Hà Nội	Cầu Trung Hà	Huyện Ba Vi	NM48		x			x			x			
49	Hà Nội	Đường Lâm	Huyện Sơn Tây	NM49		x			x			x			
50	Hà Nội	Làng Chèm	Quận Bắc Từ Liêm	NM50		x			x			x			
51	Hà Nội	Trạm ngã 3 sông Hồng, Đà	Huyện Lâm Thao	NM51		x				x				x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
52	Hà Nội	Trạm Thủy văn môi trường Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	NM52		x			x		x				
53	Hà Nội	Viên Sơn	Phường Viên Sơn - thị xã Sơn Tây	NM53		x			x		x			x	
54	Yên Bái	Lang Thíp	Huyện Văn Yên	NM54		x			x					x	
55	Yên Bái	An Bình	Xã An Bình - huyện Văn Yên	NM55		x			x					x	
56	Phú Thọ	Cầu Phong Châu	Huyện Lâm Thao	NM56		x			x			x			
57	Yên Bái	Cầu Yên Bái	Thành phố Yên Bái	NM57		x			x			x			
58	Yên Bái	Mậu A	Huyện Văn Yên	NM58		x			x			x			
59	Yên Bái	Quy Mông	Huyện Trấn Yên	NM59		x			x			x			
60	Yên Bái	Văn Phú	Thành phố Yên Bái	NM60		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
61	Yên Bái	Phúc Lộc	Thành phố Yên Bái	NM61		x				x			x		x
62	Yên Bái	Trạm thủy văn Phường Nguyễn Phúc	Thành phố Yên Bái	NM62		x			x		x	x			
II	Sông Kỳ Cùng - Bằng Giang														
63	Lạng Sơn	Trạm Lạng Sơn	Huyện Đình Lập	NM63		x	x			x					x
III	Sông Cầu														
64	Bắc Giang	Hương Lâm	Xã Hương Lâm - huyện Hiệp Hòa	NM64		x			x			x			
65	Bắc Giang	Khu vực cầu Cũ	Khu vực cầu Cũ, xã Quang Châu - Việt Yên	NM65		x			x			x			
66	Bắc Giang	Yên Dũng	Vị trí về giáp ranh xã Tư Mại và xã Thắng Cương huyện Yên Dũng	NM66		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
67	Bắc Giang	Cầu Mới	Xã Quang Châu, huyện Việt Yên	NM67		x				x					x
68	Bắc Kạn	Cầu Phà	Thành phố Bắc Kạn	NM68		x			x			x			
69	Bắc Kạn	Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	NM69		x			x			x			
70	Bắc Kạn	Dương Phong	Huyện Bạch Thông	NM70		x			x			x			
71	Bắc Kạn	Nà Bàn	Thành phố Bắc Kạn	NM71		x			x			x			
72	Bắc Kạn	Thác Giềng	Thành phố Bắc Kạn	NM72		x			x			x			
73	Bắc Kạn	Trạm Huyện Tường	Thành phố Bắc Kạn	NM73		x				x			x		x
74	Bắc Ninh	Tam Giang	Huyện Yên Phong	NM74		x			x			x			
75	Bắc Ninh	Cầu Đáp Cầu	Thành phố Bắc Ninh	NM75		x			x			x			
76	Bắc Ninh	Hiền Lương	Huyện Quế Võ	NM76		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
77	Bắc Ninh	Hòa Long	Thành phố Bắc Ninh	NM77		x			x			x			
78	Bắc Ninh	Thống Hạ	Huyện Quế Võ	NM78		x			x			x			
79	Bắc Ninh	Văn Môn	Huyện Yên Phong	NM79		x			x			x			
80	Bắc Ninh	Trạm Vũ Ninh	Thành phố Bắc Ninh	NM80		x				x		x			
81	Thái Nguyên	Hồ Núi Cốc	Thành phố Thái Nguyên	NM81		x			x			x			
82	Thái Nguyên	Hoàng Văn Thụ	Thành phố Thái Nguyên	NM82		x			x			x			
83	Thái Nguyên	Cầu Gia Bầy	Thành phố Thái Nguyên	NM83		x			x				x		
84	Thái Nguyên	Cầu Trà Vườn	Thành phố Thái Nguyên	NM84		x			x				x		
85	Thái Nguyên	Mỏ Chè	Thành phố Sông Công	NM85		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
86	Thái Nguyên	Cầu Bến Đăm	Thị xã Phố Yên	NM86		x			x			x			
87	Thái Nguyên	Cầu Bình Sơn	Thành phố Sông Công	NM87		x			x			x			
88	Thái Nguyên	Cầu Đa Phúc	Thị xã Phố Yên	NM88		x			x			x			
89	Thái Nguyên	Cầu Huy Ngạc	Huyện Đại Từ	NM89		x			x			x			
90	Thái Nguyên	Cầu Loàng	Thành phố Thái Nguyên	NM90		x			x			x			
91	Thái Nguyên	Cầu Trà Vườn	Thành phố Thái Nguyên	NM91		x			x			x			
92	Thái Nguyên	Chùa Hang	Thành phố Thái Nguyên	NM92		x			x			x			
93	Thái Nguyên	Kim Sơn	Huyện Định Hóa	NM93		x			x			x			
94	Thái Nguyên	Nam Hồ Núi Cốc	Thành phố Thái Nguyên	NM94		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
95	Thái Nguyên	Phấn Mễ	Huyện Phú Lương	NM95		x			x			x			
96	Thái Nguyên	Phú Cường	Huyện Đại Từ	NM96		x			x			x			
97	Thái Nguyên	Tân Long	Thành phố Thái Nguyên	NM97		x			x			x			
98	Thái Nguyên	Tân Phú	Thị xã Phổ Yên	NM98		x			x			x			
99	Thái Nguyên	Trạm Thái Nguyên	TP. Thái Nguyên	NM99		x				x		x			
100	Hà Nội	Trung Giã	Huyện Sóc Sơn	NM100		x				x					x
IV	Nhuệ - Đáy														
101	Hà Nam	Cầu Độ Xá	Thành phố Phủ Lý	NM101		x			x			x			
102	Hà Nam	Cầu Hồng Phú	Thành phố Phủ Lý	NM102		x			x			x			
103	Hà Nam	Cầu Quế	Huyện Kim Bảng	NM103		x			x			x			
104	Hà Nam	Đậm Tái	Thành phố Phủ Lý	NM104		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
105	Hà Nam	Đò Kiều	Thành phố Phủ Lý	NM105		x			x			x			
106	Hà Nam	Thanh Tân	Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	NM106		x			x			x			
107	Hà Nam	Trạm bơm Thanh Nộn	Thành phố Phủ Lý	NM107		x			x			x			
108	Hà Nam	Cầu Đoàn Vỹ	Huyện Thanh Liêm	NM108		x			x				x		
109	Hà Nam	Cống Nhật Tựu	Cống Nhật Tựu, Duy Tiên	NM109		x				x		x			
110	Hà Nam	Thị trấn Hòa Mạc	Thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên	NM110		x				x		x			
111	Hà Nam	Trạm bơm Nhâm Tràng	Trạm bơm Nhâm Tràng, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	NM111		x				x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
112	Hà Nam	Cầu Đọ Xá	Cầu Đọ Xá, xã Thanh Châu, thành phố Phủ Lý	NM112		x				x		x			
113	Nam Định	Đò Mười	Huyện Nghĩa Hưng	NM113		x			x			x			
114	Nam Định	Yên Trị	Huyện Ý Yên	NM114		x			x			x			
115	Ninh Bình	Cầu Bến Đé	Huyện Gián Khẩu	NM115		x			x			x			
116	Ninh Bình	Cầu Non Nước	Thành phố Ninh Bình	NM116		x			x			x			
117	Ninh Bình	Yên Khánh	Huyện Yên Khánh	NM117		x			x			x			
118	Ninh Bình	Kim Tân	Huyện Kim Sơn	NM118		x			x			x			
119	Ninh Bình	Cầu Gián Khẩu	Huyện Gia Viễn	NM119		x			x			x			
120	Ninh Bình	Khánh Phú	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh	NM120		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
121	Ninh Bình	Nho Quan	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan	NM121		x			x			x			
122	Hà Nội	Ba Thá	Huyện Ứng Hòa	NM122		x			x			x			
123	Hà Nội	Cầu Chiềc	Huyện Thường Tín	NM123		x			x			x			
124	Hà Nội	Cầu Mai Lĩnh	Quận Hà Đông	NM124		x			x			x			
125	Hà Nội	Cầu Mới	Quận Thanh Xuân	NM125		x			x			x			
126	Hà Nội	Cầu Sét	Quận Hai Bà Trung	NM126		x			x			x			
127	Hà Nội	Cầu Tó	Huyện Thanh Trì	NM127		x			x			x			
128	Hà Nội	Cống Liên Mạc	Huyện Quốc Oai	NM128		x			x			x			
129	Hà Nội	Cống Thàn	Huyện Phú Xuyên	NM129		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
130	Hà Nội	Cự Đà	Huyện Thanh Oai	NM130		x			x			x			
131	Hà Nội	Định Công (hạ lưu sông Lừ)	Quận Hoàng Mai	NM131		x			x			x			
132	Hà Nội	Đồng Quan	Huyện Thường Tín	NM132		x			x			x			
133	Hà Nội	Nghĩa Đô	Quận Cầu Giấy	NM133		x			x			x			
134	Hà Nội	Phúc La	Quận Hà Đông	NM134		x			x			x			
135	Hà Nội	Phương Liệt	Quận Thanh Xuân	NM135		x			x			x			
136	Hà Nội	Tế Tiêu	Huyện Mỹ Đức	NM136		x			x			x			
137	Hà Nội	Tự Liệt	Huyện Thanh Trí	NM137		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
138	Hà Nội	Trạm nước Phụng Châu	Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	NM138		x					x				
V	Mã - Chu														
139	Điện Biên	Chống Sừ - Điện Biên	Huyện Điện Biên Đông	NM139	x		x		x			x			
140	Điện Biên	Mường Luân	Huyện Điện Biên Đông	NM140		x			x			x			
141	Điện Biên	Na Su	Huyện Điện Biên Đông	NM141		x			x			x			
142	Sơn La	Trạm Sông Mã	Huyện Sông Mã	NM142		x				x			x		x
143	Sơn La	Bến phà Chiềng Cang	Huyện Sông Mã	NM143		x			x			x			
144	Sơn La	Cầu phao Chiềng Khoong	Huyện Sông Mã	NM144		x			x			x			
145	Sơn La	Cầu sông Mã	Huyện Sông Mã	NM145		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
146	Sơn La	Cầu treo Chiềng Khương	Huyện Sông Mã	NM146		x			x			x			
147	Sơn La	Chiềng Cang	Chiềng Cang	NM147		x			x			x			
148	Thanh Hoá	Bá Thước	Huyện Bá Thước	NM148		x			x			x			
149	Thanh Hoá	Cầu Bản Lát	Huyện Mường Lát	NM149		x			x			x			
150	Thanh Hoá	Cầu Cẩm Thủy	Huyện Cẩm Thủy	NM150		x			x		x	x			
151	Thanh Hoá	Cầu Công	Huyện Cẩm Thủy	NM151		x			x			x			
152	Thanh Hoá	Cầu Hồi Xuân	Huyện Quan Hóa	NM152		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
153	Thanh Hoá	Cầu Khe Ngang	Cầu Khe Ngang	NM153		x			x			x			
154	Thanh Hoá	Cầu Kiều	Huyện Yên Định	NM154		x			x			x			
155	Thanh Hoá	Cầu La Hán	Huyện Bá Thước	NM155		x			x			x			
156	Thanh Hoá	Cầu Na Sái	Huyện Quan Hóa	NM156		x			x			x			
157	Thanh Hoá	Cầu Treo Cẩm Lương (LVS Mã Chu)	Huyện Cẩm Thù	NM157		x			x			x			
158	Thanh Hoá	Cửa Đạt	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	NM158		x		x	x		x	x			
159	Thanh Hoá	Nam Xuân	Nam Xuân	NM159		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
160	Thanh Hoá	Trạm nước Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	NM160		x				x			x		
161	Nghệ An	Trạm nước Nghệ An	Huyện Quỳnh Phong	NM161		x				x			x		
VI	Sông Cả - La														
162	Hà Tĩnh	Bùi Xá	Huyện Đức Thọ	NM162		x			x			x			
163	Hà Tĩnh	Cầu Linh Cảm	Huyện Đức Thọ	NM163		x			x			x			
164	Hà Tĩnh	Cầu Linh Cảm 1	Huyện Đức Thọ	NM164		x			x			x			
165	Hà Tĩnh	Cầu Mỹ Thịnh	Huyện Hương Sơn	NM165		x			x			x			
166	Hà Tĩnh	Sơn Trung	Huyện Hương Sơn	NM166		x			x			x			
167	Hà Tĩnh	Sơn Diệm	Huyện Hương Sơn	NM167		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
168	Hà Tĩnh	Vụng Tròn	Huyện Hương Sơn	NM168		x			x			x			
169	Hà Tĩnh	Cầu treo Chợ Bộng	Huyện Đức Thọ	NM169		x			x			x			
170	Hà Tĩnh	Cầu Ngán Trươi	Huyện Vũ Quang	NM170		x		x	x			x			
171	Hà Tĩnh	Hà Linh	Huyện Hương Khê	NM171		x			x			x			
172	Hà Tĩnh	Hương Khê	Huyện Hương Khê	NM172		x			x			x			
173	Hà Tĩnh	Cầu La Khê	Huyện Hương Khê	NM173		x			x			x			
174	Hà Tĩnh	Thủy điện Hồ Hồ	Huyện Hương Khê	NM174		x		x	x			x			
175	Hà Tĩnh	Sơn Ninh	Huyện Hương Sơn	NM175		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
176	Hà Tĩnh	Sơn Kim	Sơn Kim	NM176		x			x			x			
177	Hà Tĩnh	Trạm Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	NM177		x				x			x	x	
178	Nghệ An	Xá Lượng	Huyện Tương Dương	NM178		x			x			x			
179	Nghệ An	Cầu Mường Xén	Huyện Kỳ Sơn	NM179		x			x			x			
180	Nghệ An	Khe Ngâu	Huyện Tương Dương	NM180		x			x			x			
181	Nghệ An	Cầu Cửa Rào	Huyện Tương Dương	NM181		x			x			x			
182	Nghệ An	Cầu Bàn Lau	Huyện Tương Dương	NM182		x			x			x			
183	Nghệ An	Cầu Tam Quang	Huyện Tương Dương	NM183		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
184	Nghệ An	Cầu treo Thanh Nam	Huyện Con Cuông	NM184		x			x			x			
185	Nghệ An	Đình Sơn	Huyện Anh Sơn	NM185		x			x			x			
186	Nghệ An	Thị trấn Anh Sơn	Huyện Anh Sơn	NM186		x			x			x			
187	Nghệ An	Khai Sơn	Huyện Anh Sơn	NM187		x			x			x			
188	Nghệ An	Thuận Sơn	Huyện Đô Lương	NM188		x			x			x			
189	Nghệ An	Cầu Rộ	Huyện Thanh Chương	NM189		x			x			x			
190	Nghệ An	Cầu Nam Đàn	Huyện Nam Đàn	NM190		x			x			x			
191	Nghệ An	Cầu Yên Xuân	Huyện Hưng Nguyên	NM191		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
192	Nghệ An	Hưng Khánh	Huyện Hưng Nguyên	NM192		x			x			x			
193	Nghệ An	Hưng Lợi	Huyện Hưng Nguyên	NM193		x			x			x			
194	Nghệ An	Cầu Bến Thủy	Huyện Nghi Xuân	NM194		x			x			x			
195	Nghệ An	Cầu Bến Thủy 2	Huyện Nghi Xuân	NM195		x			x			x			
196	Nghệ An	Hạnh Dịch	Huyện Phong Quế	NM196		x			x			x			
197	Nghệ An	Thịnh Văn	Huyện Phong Quế	NM197		x			x			x			
198	Nghệ An	Hoa Tiến	Huyện Châu Quỳ	NM198		x			x			x			
199	Nghệ An	Châu Tiến	Huyện Châu Quỳ	NM199		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
200	Nghệ An	Châu Thắng	Huyện Châu Quỳ	NM200		x			x			x			
201	Nghệ An	Quỳ Châu	Huyện Châu Quỳ	NM201		x			x			x			
202	Nghệ An	Cầu Dinh	Huyện Yên Thành	NM202		x			x			x			
203	Nghệ An	Nghĩa Thịnh	Huyện Nghiã Đàn	NM203		x			x			x			
204	Nghệ An	Nghĩa Hưng	Huyện Nghiã Đàn	NM204		x			x			x			
205	Nghệ An	Thái Hòa	Thị xã Thái Hòa	NM205		x			x			x			
206	Nghệ An	Tân Kỳ	Huyện Tân Kỳ	NM206		x			x			x			
207	Nghệ An	Thành Sơn	Huyện Anh Sơn	NM207		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch		
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050	
208	Nghệ An	Đô Lương	Huyện Đô Lương	NM208		x			x			x				
209	Nghệ An	Trung Lương	Huyện Tân Kỳ	NM209		x			x			x				
210	Nghệ An	Rào Đùng	Huyện Nghi Lộc	NM210		x			x			x				
VII	Sông Hương															
211	Thừa Thiên Huế	Thượng nguồn sông Tả Trạch	Hương Lộc, Nam Đông	NM211		x			x						x	
212	Thừa Thiên Huế	Thượng nguồn sông Hữu Trạch	Bình Thành, Tx. Hương Trà	NM212		x			x						x	
213	Thừa Thiên Huế	Ngã ba Tuần - bờ Bắc, Hữu Trạch	Sông Hữu Trạch, Hương Thọ, Hương Trà	NM213		x			x						x	
214	Thừa Thiên Huế	Ngã ba Tuần - bờ Nam, Tả Trạch	Sông Tả Trạch, Thủy Bằng, Hương Trà	NM214		x			x						x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
215	Thừa Thiên Huế	Khu vực chợ Đông Ba	Phú Hòa, Tp Huế	NM215		x			x					x	
216	Thừa Thiên Huế	Ngã ba Sinh	Phú Mậu, Phú Vang	NM216		x			x					x	
217	Thừa Thiên Huế	Phú Hậu	P. Phú Hậu, Tp Huế	NM217		x				x		x			
VIII	Vu gia - Thu Bồn														
218	Kon Tum	Đăk Man	Huyện Đăk Glei	NM218		x			x			x			
219	Quảng Nam	A Vương	Huyện Đông Giang	NM219		x			x			x			
220	Quảng Nam	Bến đò Tiên Lãnh	Huyện Tiên Phước	NM220		x			x			x			
221	Quảng Nam	Bình Sa	Bình Đào Huyện Duy Xuyên	NM221		x			x			x			
222	Quảng Nam	Cầu Bà Rén	Quế Xuân 1 Huyện Quế Sơn	NM222		x			x			x			
223	Quảng Nam	Cầu Vĩnh Điện	TT Vĩnh Điện huyện Điện Bàn	NM223		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
224	Quảng Nam	Chợ bến cá Cẩm Hòa	Cẩm Hà, Tp Hội An	NM224		x			x			x			
225	Quảng Nam	Đại Đồng	Xã Đại Đồng huyện Đại Lộc	NM225		x			x			x			
226	Quảng Nam	Đại Quang	Đại Quang huyện Đại Lộc,	NM226		x			x			x			
227	Quảng Nam	Phước Công	Phước Công huyện Phước Sơn	NM227		x			x			x			
228	Quảng Nam	Phước Hiệp	Phước Hiệp huyện Phước Sơn	NM228		x			x			x			
229	Quảng Nam	Phước Hòa	Phước Hòa huyện Phước Sơn	NM229		x			x			x			
230	Quảng Nam	Sau thủy điện sông Tranh 2	Huyện Bắc Trà My	NM230		x		x	x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
231	Quảng Nam	Sông Bung 2	Huyện Giang Nam	NM231		x		x	x			x			
232	Quảng Nam	Sông Bung 4	Huyện Giang Nam	NM232		x		x	x			x			
233	Quảng Nam	Thị trấn Bến Giăng	Huyện Giang Nam	NM233		x			x			x			
234	Quảng Nam	Thị trấn Thạnh Mỹ	Huyện Giang Nam	NM234		x			x			x			
235	Quảng Nam	Tiên Lập	Huyện Phước Tiên	NM235		x			x			x			
236	Quảng Nam	Trà Lập	Huyện Trà My Nam	NM236		x			x			x			
237	Quảng Nam	Trà Nam	Huyện Trà My Nam	NM237		x			x			x			
238	Quảng Nam	Ái Nghĩa	TT Ái Nghĩa huyện Đại Lộc	NM238		x			x			x			
239	Quảng Nam	Giao Thủy	Huyện Xuyên Duy	NM239		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
240	Quảng Nam	Trạm thủy văn Nông Sơn	Huyện Nông Sơn	NM240		x			x		x				
241	Quảng Nam	Hội Khách	Huyện Đại Lộc	NM241		x			x		x				
242	Quảng Nam	Trước thủy điện sông Tranh	Huyện Bắc Trà My	NM242		x		x	x		x				
243	Quảng Nam	Hội An	Thành phố Hội An	NM243		x				x		x	x		
244	Đà Nẵng	Cầu Cẩm Lệ	Quận Cẩm Lệ	NM244		x			x		x				
245	Đà Nẵng	Cầu Đò (thành phố Đà Nẵng)	Quận Cẩm Lệ	NM245		x			x		x				
246	Đà Nẵng	Cầu Thuận Phước	Quận Hải Châu	NM246		x			x		x				
247	Đà Nẵng	Cầu Tuyên Sơn	Quận Hải Châu	NM247		x			x		x				

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
248	Đà Nẵng	Thuận Phước	Quận Hải Châu	NM248		x				x			x		
IX	Sê San														
249	Kon Tum	Rờ Koi - sông Sa Thầy	Rờ Koi, huyện Sa Thầy	NM249		x			x				x	x	
250	Kon Tum	Cầu Đố - sông Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	NM250		x			x				x	x	
251	Kon Tum	Ya Xiêr (trước lồng hồ Yaly)	Xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy	NM251	x				x				x	x	
252	Kon Tum	Thượng nguồn sông Krông Pôkô	Xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei	NM252		x			x				x	x	
253	Kon Tum	Đăk Môn	Xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei	NM253		x			x				x	x	
254	Kon Tum	Đăk Dục	Đăk Dục, huyện Ngọc Hôi	NM254		x			x				x	x	
255	Kon Tum	Sông Đăk Tờ Kan - xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô	NM255		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
256	Kon Tum	Sông Đăk Tô Kan - xã Kon Đào	Xã Kon Đào, huyện Đăk Tô	NM256		x			x				x		
257	Kon Tum	Sông Krông Pôkô - xã Pô Kô	Xã Pô Kô, huyện Đăk Tô	NM257		x			x				x		
258	Kon Tum	Cầu Đăk Man	TT Đăk Glei, huyện Đăk Glei	NM258		x			x				x		
259	Kon Tum	Cầu treo TT Đăk Rve	TT Đăk Rve, huyện Kon Rẫy	NM259		x			x				x		
260	Kon Tum	Nhập lưu sông Đăk Aloi. Đăk Snghe và Đăk Pone	Huyện Kon Rẫy	NM260		x			x				x		
261	Kon Tum	Trước NM nước Kon Tum	Thành phố Kon Tum	NM261		x			x				x		
262	Kon Tum	Cầu sắt – sau NM đường Kon Tum	Thành phố Kon Tum	NM262		x			x				x		

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
263	Kon Tum	Trạm nước thành phố Kon Tum	Thành phố Kon Tum	NM263		x				x					x
264	Kon Tum	Điểm sông Poko trước khi chảy vào lòng hồ YaLy	Sa Bình. huyện Sa Thầy	NM264		x			x				x	x	
265	Kon Tum	Điểm sông Đăkbla trước khi chảy vào lòng hồ YaLy	Sa Bình. huyện Sa Thầy	NM265		x			x				x	x	
266	Kon Tum	Hồ thủy điện Sesan 3	Yaly, huyện Sa Thầy	NM266		x		x	x				x	x	
267	Gia Lai	Hồ thủy điện Sesan 3A	Ia Krai, Ia Grai	NM267		x		x	x				x	x	
268	Gia Lai	Hồ Ia Tô	Xã Ia Tô, huyện Ia Grai	NM268		x		x	x				x	x	
269	Gia Lai	Hồ thủy điện Ia Grai 3	Huyện Ia Grai	NM269		x		x	x				x	x	
270	Gia Lai	Hạ lưu sông Ia Ichom	Xã Ia Khai, huyện Ia Grai	NM270		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
271	Gia Lai	Cầu Sesan, QL14C	Xã Ia O, huyện Ia Grai	NM271		x			x				x		
272	Gia Lai	Hồ thủy điện Sesan 4A	Xã Ia O, huyện Ia Grai	NM272		x		x	x				x		
273	Gia Lai	Hạ lưu TĐ Sê San 4	Xã Mô Rai, huyện Ia Grai	NM273		x		x	x				x		
X	Srê Pok														
274	Lâm Đồng	Thượng nguồn sông SrePok	Đưng K'Nó, Lạc Dương	NM274		x			x				x	x	
275	Lâm Đồng	Đạ M'Rông	Xã Đạ M'Rông, Đam Rông	NM275		x			x				x	x	
276	Đăk Nông	KDC Quảng Phú	Quảng Phú, Kroong Nô	NM276		x			x				x	x	
277	Đăk Nông	Bến phà Trường Tuyệt	Buôn Choah, Krông Nô	NM277		x			x				x	x	
278	Đăk Lăk	Sau thủy điện Krong Nô 3	Krông Nô, Lăk	NM278		x		x	x				x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
279	Đăk Lăk	Cầu Đạ Rsal	Nam Ka, huyện Lăk	NM279		x				x			x		
280	Đăk Lăk	Lòng hồ thủy điện Buôn Tua Srah	Nam Ka, huyện Lăk	NM280		x		x	x				x	x	
281	Đăk Lăk	Cầu Nam Ka	Nam Ka, huyện Lăk	NM281		x			x				x	x	
282	Đăk Lăk	Yang Mao	Yang Mao, huyện Krong Bông	NM282		x			x				x	x	
283	Đăk Lăk	Buôn M'trong	Huyện M'Drăk	NM283		x			x				x	x	
284	Đăk Lăk	Cầu thôn 3, xã Hòa Phong	Xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	NM284		x			x				x	x	
285	Đăk Lăk	Cầu chữ V	Xã Khuê Ngọc Điện, huyện Krông Bông	NM285		x			x				x	x	
286	Đăk Lăk	Cầu Giang Sơn - quốc lộ 27	Yang Ré, huyện Krong Bông	NM286		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
287	Đăk Lăk	Buôn Tráp	Buôn Tráp, huyện Krong Ana	NM287		x			x				x		
288	Đăk Lăk	Hợp lưu Krông Ana và Krông Nô (Sông ngã 6)	Ea Na, huyện KRông Ana	NM288		x			x				x		
289	Đăk Lăk	Lồng hồ thủy điện Buôn Kuop	Ea Na, huyện KRông Ana	NM289		x		x	x				x		
290	Đăk Lăk	Cầu 14	Hòa Phú, Tp Buôn Ma Thuột	NM290		x			x				x		
291	Đăk Lăk	Hồ thủy điện SrePok 3	Ea Nuôi, huyện Buôn Đôn	NM291		x		x	x				x		
292	Đăk Lăk	Cầu Srêpôk - quốc lộ 14C	Xã Krông Na, huyện Buôn Đôn	NM292		x			x				x		
293	Đăk Lăk	Sau KDL Bàn Đôn	Krong Na, huyện Buôn Đôn	NM293		x			x				x		

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
294	Đắk Lắk	Trước kênh dẫn thủy điện SrePok 4	Krong Na, huyện Buôn Đôn	NM294		x			x				x		
295	Đắk Lắk	Gần đôn biên phòng 743	Đường 14C, huyện Buôn Đôn	NM295		x			x				x		
296	Đắk Lắk	Trạm nước Bản Đôn	Bản Đôn, huyện Buôn Đôn	NM296		x				x				x	
XI	Sông Ba														
297	Đắk Lắk	Ea Riêng	Ea Riêng, huyện M'Drak	NM297		x			x				x	x	
298	Đắk Lắk	Krông H'Năng đoạn qua NM bột sản EaKar	Xã Ea Sar, huyện Eakar	NM298		x			x				x	x	
299	Đắk Lắk	Hồ thủy điện Krông H' năng	Huyện M'Drak	NM299		x		x	x				x	x	
300	Gia Lai	Trước lòng hồ thủy điện Ka Nak	Đak Smar, huyện K'Bang	NM300		x		x	x				x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
301	Gia Lai	Sau đập thủy điện Ka Nak	Trước TT K'Bang, huyện K'Bang	NM301		x		x	x				x		
302	Gia Lai	Cầu qua Sông Ba gần xã Nghĩa An	Nghĩa An, huyện K'Bang	NM302		x			x				x		
303	Gia Lai	Hồ Bền Tuyệt - Xuân An	Xuân An, thị xã An Khê	NM303		x		x	x				x	x	
304	Gia Lai	Trước lòng hồ thủy điện An Khê	Huyện K'Bang	NM304		x		x	x				x	x	
305	Gia Lai	Sau đập thủy điện An Khê	Tx An Khê	NM305		x			x				x	x	
306	Gia Lai	An Khê	An Khê, phường An Bình, thị xã An Khê	NM306		x		x	x		x	x			
307	Gia Lai	Cầu Sông Ba - quốc lộ 19	Phường An Bình, Tx An Khê	NM307		x			x				x	x	
308	Gia Lai	Cầu Yang Trung	TT Kong Chro, huyện Kong Chro	NM308		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
309	Gia Lai	Cầu Ia Kdam	Ia Mron, huyện Ia Pa	NM309		x			x				x		
310	Gia Lai	Cầu Ayun - quốc lộ 19	Đak Ta Lay, huyện Mang Yang	NM310		x			x				x		
311	Gia Lai	Hồ thủy điện Ayun thượng 1A	Huyện Đăk Đoa	NM311		x		x	x				x	x	
312	Gia Lai	Hồ Ayun hạ	H'Bông, huyện Chư Sê	NM312		x		x	x				x	x	
313	Gia Lai	Khu vực mương thủy lợi Ayun Hạ	Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	NM313		x			x				x	x	
314	Gia Lai	Ia Sol	Ia Sol, huyện Phú Thiện	NM314		x			x				x	x	
315	Gia Lai	Cầu Quý Đức	Gần ngã 3 Cây Xoài, Ia Trok, huyện Ia Pa	NM315		x			x				x	x	
316	Gia Lai	Cầu Bến Mộng	Ia Broai, huyện Ia Pa	NM316		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
317	Gia Lai	Cầu Lệ Bắc	Ia R'Suom, huyện Krong Pa	NM317		x			x				x		
318	Gia Lai	Cầu Phú Cản	Phú Cản, huyện Krong Pa	NM318		x			x				x		
319	Gia Lai	Cầu Krông H' năng	Krong Năng, huyện Krong Pa	NM319		x			x				x		
320	Phú Yên	Buôn Hóc	Huyện Sơn Hòa	NM320		x			x				x		
321	Phú Yên	Hồ Thủy điện Ba Hạ	Huyện Sông Hinh	NM321		x		x	x				x		
322	Phú Yên	Giáp ranh Đăk Lak - Phú Yên	Ealy, huyện Sông Hinh	NM322		x			x				x		
323	Phú Yên	Hồ Sông Hinh	Huyện Sông Hinh	NM323		x		x	x				x		
324	Phú Yên	Cầu Sông Hinh	Ea Bia, huyện Sông Hinh	NM324		x			x				x		

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
325	Phú Yên	Đập Đồng Cam	Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa	NM325		x		x	x				x	x	
326	Phú Yên	Hòa Định Đông	TT Phú Hòa, huyện Phú Hòa	NM326		x			x				x	x	
327	Phú Yên	Cầu Đà Rằng	Hòa An, huyện Phú Hòa	NM327		x			x				x	x	
328	Phú Yên	Hạ lưu sông Ba	Phường 4, TP Tuy Hòa	NM328		x			x				x	x	
329	Phú Yên	Trạm nước Tuy Hòa	Phường 4, TP Tuy Hòa	NM329		x				x			x		x
330	Phú Yên	Phú Hòa	Hoà Hội, huyện Phú Hòa	NM330		x				x					x
XII	Lưu vực sông Đồng Nai														
XII.1	Sông Đồng Nai														
331	Đắk Nông	Trạm nước Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	NM331		x				x			x		x
332	Lâm Đồng	Hồ Đơn Dương	Xã D'Ran, huyện Đơn Dương	NM332		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
333	Lâm Đồng	Cầu Quảng Lập	Thị trấn Thanh Nghĩa, huyện Đơn Dương	NM333		x			x					x	
334	Lâm Đồng	Cầu Tân Văn	Xã Tân Văn, huyện Lâm Hà	NM334		x			x					x	
335	Lâm Đồng	Cầu Phú Hội	Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng	NM335		x			x					x	
336	Lâm Đồng	Hồ Đại Ninh	Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng	NM336		x			x					x	
337	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 2	Xã Tân Thượng, huyện Di Linh	NM337		x			x					x	
338	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 3	Xã Lộc Phú, huyện Bảo Lâm	NM338		x			x					x	
339	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 4	Xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm	NM339		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
340	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 5	Xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	NM340		x			x				x		
341	Lâm Đồng	Cầu Phước Cát	Thị trấn Phước Cát 1, huyện Cát Tiên	NM341		x				x		x		x	
342	Đồng Nai	Cầu Đăk Lua	Xã Đăk Lua, huyện Tân Phú	NM342		x			x				x		
343	Đồng Nai	Bến Phà Nam Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	NM343		x			x		x				
344	Đồng Nai	Cầu Tà Lài	Xã Tà Lài, huyện Tân Phú	NM344		x			x		x				
345	Đồng Nai	Cầu Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn, huyện Định Quán	NM345		x			x				x		
346	Đồng Nai	Hợp lưu sông Đồng Nai - Hồ Trị An	Xã Ngọc Định, huyện Định Quán	NM346		x			x		x				

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
347	Đồng Nai	Hồ Trị An (hồ chính)	Xã La Ngà, huyện Định Quán	NM347		x			x			x			
348	Đồng Nai	Hồ Trị An KV Đập thủy điện (Đập Trị An)	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	NM348		x			x			x			
349	Đồng Nai	Hợp lưu Sông Bé - Sông Đồng Nai	Xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu	NM349		x			x					x	
350	Đồng Nai	Bến đò Đại An	Xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu	NM350		x			x					x	
351	Đồng Nai	Thượng lưu NM nước Thiện Tân(500 m)	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu	NM351		x			x			x			
352	Đồng Nai	Bến Phà Bà Miêu	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	NM352		x			x					x	
353	Bình Dương	Cầu Bạch Đằng	Thị trấn Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên	NM353		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
354	Bình Dương	Cầu Bạch Đằng 2	Phường Cầu Bạch đặng, Uyên Hưng, Tân Uyên,	NM354		x				x				x	
355	Bình Dương	Bến dò Tân Luong	Phường Thạnh Phước, TP Tân Uyên	NM355		x				x				x	
356	Bình Dương	Cầu Thạnh Hội	Phường Thạnh Phước, TX Tân Uyên	NM356		x				x		x			
357	Bình Dương	Bến dò Bửu Long - Tân Ba	Phường Bửu Long, TP Biên Hòa và phường Thái Hòa, TP Tân Uyên	NM357		x				x				x	
358	Đồng Nai	Trạm Bơm Hóa An	Phường Hóa An, thành phố Biên Hòa	NM358		x				x				x	
359	Đồng Nai	Cầu Thống Nhất	Phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa	NM359		x				x				x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
360	Đồng Nai	Cầu Bửu Hòa	Phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	NM360		x			x					x	
361	Đồng Nai	Cầu Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa	NM361		x			x					x	
362	TP Hồ Chí Minh	Bến đò Hội Sơn	Phường Long Bình, TP Thủ Đức	NM362		x			x					x	
363	TP Hồ Chí Minh	Long Phước	Phường Long Phước, TP Thủ Đức	NM363		x			x					x	
364	TP Hồ Chí Minh	Cầu Nhơn Trạch	Thành phố Thủ Đức	NM364		x			x					x	
365	TP Hồ Chí Minh	Bến phà Cát Lái	Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức	NM365		x			x			x			
366	TP Hồ Chí Minh	Mũi đèn đỏ	Phường Phú Thuận, quận 7	NM366		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
367	TP Hồ Chí Minh	Tổng kho xăng dầu nhà Bè	Xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè	NM367		x			x					x	
368	Đồng Nai	KCN Ông Kèo	Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch	NM368		x			x					x	
369	TP Hồ Chí Minh	Tam Thôn Hiệp	Xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần giờ	NM369		x			x					x	
370	TP Hồ Chí Minh	Cầu Phước Khánh	Xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ	NM370		x			x					x	
371	TP Hồ Chí Minh	Sông Soài Rạp - KCN Hiệp Phước	Xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	NM371		x			x					x	
372	TP Hồ Chí Minh	Bến Phà Hiệp Phước Doi Lâu	Xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ	NM372		x			x					x	
373	TP Hồ Chí Minh	Hợp lưu Sông Soài Rạp và sông Vàm Cỏ	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ	NM373		x			x					x	
374	Đồng Nai	Trạm Tà Lài	Xã Tà Lài, Tân Phú	NM374		x				x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
375	Bình Dương	Trạm Thủy Văn Tân Uyên	Xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên	NM375		x				x	x	x			
376	Đồng Nai	Trạm Tân Hạnh	Xã Tân Hạnh, TP Biên Hòa	NM376		x				x		x			
377	Đồng Nai	Trạm KCN Biên Hòa	Phường An Bình, TP Biên Hòa	NM377		x				x		x			
378	Đồng Nai	Trạm Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa	NM378		x				x		x			
379	Đồng Nai	Trạm Nhơn Trạch	Sông Đồng Nai - Nhơn Trạch	NM379		x				x		x			
XII.2	Sông Sài Gòn - sông cấp 1 liên tỉnh														
380	Bình Phước	Cầu Sài Gòn Bình Phước	Xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	NM380		x				x			x		
381	Tây Ninh	Cầu Tha La	Thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu	NM381		x				x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
382	Tây Ninh	Hồ Dầu Tiếng (KV Gân đập)	Xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu	NM382		x		x	x			x			
383	Bình Dương	Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng	NM383		x			x		x	x			
384	Bình Dương	Cầu Tàu	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng	NM384		x			x			x			
385	Bình Dương	Cầu Bến Súc	Xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng	NM385		x			x			x			
386	Tây Ninh	Đôn Thuận	Xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng	NM386		x			x				x	x	
387	Tp Hồ Chí Minh	Bến đò Cá Lãng	Xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	NM387		x			x				x	x	
388	Bình Dương	Bến đò An Phú	Xã An Tây, thị xã Bến Cát	NM388		x			x				x	x	
389	Bình Dương	Hợp lưu Sông Thị Tính - Sông Sài Gòn	Phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một	NM389		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
390	Bình Dương	Trạm bơm Hòa Phú	Phường Tân An, TP Thủ Dầu Một	NM390		x			x			x			
391	Bình Dương	Bến đò Thủ Dầu Một - Bình Mỹ	Phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một	NM391		x			x		x				
392	Bình Dương	Phà An Sơn - Nhị Bình	Xã An Sơn, thành phố Thuận An	NM392		x			x			x		x	
393	TP Hồ Chí Minh	Cầu Bình Phước, quốc lộ 1A	Phường An Phú Đông, quận 12	NM393		x			x			x		x	
394	TP Hồ Chí Minh	Cầu Bình Triệu	Phường 26, quận Bình Thạnh	NM394		x			x		x				
395	TP Hồ Chí Minh	Hợp lưu Rạch Chiếc - Sông Sài Gòn	Phường 28, quận Bình Thạnh	NM395		x			x			x		x	
396	TP Hồ Chí Minh	Cầu Sài Gòn	Phường 25, quận Bình Thạnh	NM396		x			x			x		x	
397	TP Hồ Chí Minh	Cầu Ba Son	Phường Bến Nghé, quận 1	NM397		x			x		x				

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
398	TP Hồ Chí Minh	Bến Nhà Rồng	Phường 12, quận 4	NM398		x			x			x			
399	TP Hồ Chí Minh	Cảng Tân Thuận	Phường Tân Thuận Đông, quận 7	NM399		x			x			x			
400	TP Hồ Chí Minh	Cầu Phú Mỹ	Phường Phú Thuận Đông, quận 7	NM400		x			x				x	x	
401	Bình Dương	Phú Thọ	Phường Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một	NM401		x			x		x	x			
402	Hồ Chí Minh	Bến Nghé	Bến Nghé, quận 1	NM402		x			x		x	x	x		
403	Hồ Chí Minh	Bình Thạnh	Phường 27, Bình Thạnh	NM403		x				x			x	x	
404	Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức	Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức.	NM404		x				x				x	
XII.3	Sông Thị Vải sông cấp 1 liên tỉnh														
405	Đồng Nai	Hợp lưu suối Cả và sông Thị Vải	Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	NM405		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
406	Đồng Nai	Cảng Gò Dầu	Xã Phước Thái, huyện Long Thành	NM406		x			x			x			
407	Đồng Nai	Cầu Phước An	Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	NM407		x			x				x		
408	Bà Rịa - Vũng Tàu	Cảng Phú Mỹ	Phường Phú Mỹ, Tx Phú Mỹ	NM408		x			x			x			
409	Bà Rịa - Vũng Tàu	Cảng Cái Mép	Cảng Cái Mép (Cảng Tân Cảng Cái Mép)	NM409		x			x			x			
410	Đồng Nai	Sông Thị Vải - Cảng Gò Dầu, Long Thành, Đồng Nai	Sông Thị Vải - Cảng Gò Dầu, Long Thành	NM410		x				x		x			
411	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm cầu dẫn TTND Phú Mỹ	Thị xã Phú Mỹ	NM411		x				x		x			
412	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm đảm bảo An toàn Hàng Hải	Thị xã Phú Mỹ	NM412		x				x		x			
413	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm Cầu Chà	Trạm Cầu Chà Và, xã Long Sơn	NM413		x				x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị tri/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
XII.4	Sông Bé - sông cấp 1 liên tỉnh														
414	Bình Phước	Hồ Thác Mơ	Xã Phước Tín, thị xã Phước Long	NM414		x		x	x			x	.		
415	Bình Phước	Cầu Trà Thanh	Xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập	NM415		x			x				x	x	
416	Bình Phước	Cầu Sông Bé Mới	Xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	NM416		x			x				x	x	
417	Bình Phước	Cầu Nha Bích (QL14)	Xã Minh Lập, huyện Chơn Thành	NM417		x			x			x			
418	Bình Phước	Hồ Phước Hòa	Xã Minh Thành, huyện Chơn Thành	NM418		x		x	x			x			
419	Bình Dương	Cầu An Linh	Xã An Linh, huyện Phú Giáo	NM419		x			x					x	
420	Bình Dương	SB - Cầu Sông Bé Phước Hòa	Xã Vĩnh Hoà, huyện Phú Giáo	NM420		x			x					x	
421	Bình Dương	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo	NM421		x			x		x	x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
422	Bình Dương	Cầu Tam Lập	Xã Tam Lập, TP. Tân Uyên	NM422		x			x					x	
423	Bình Dương	Khu DL Mắt Xanh	Xã Tân Định, Tân Uyên	NM423		x			x		x			x	
XII.5	Sông La Ngà - sông cấp 1 liên tỉnh														
424	Bình Thuận	Hồ Hàm Thuận	Xã Đông Tiến, huyện Hàm Thuận Bắc	NM424		x		x	x					x	
425	Bình Thuận	Cầu La Ngàu	Xã La Ngàu, huyện Tánh Linh	NM425		x			x					x	
426	Bình Thuận	Cầu Tà Pao	Xã Đồng Kho, huyện Tánh Linh	NM426		x			x		x	x			
427	Bình Thuận	Cầu Võ Xu	Xã Võ Xu, huyện Đức Linh	NM427		x			x					x	
428	Bình Thuận	Cầu Bến Thuyền	Xã Đức Tín, huyện Đức Linh	NM428		x			x					x	
429	Đồng Nai	Cầu La Ngà	Xã La Ngà, huyện Định Quán	NM429		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch		
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050	
430	Đồng Nai	Phú Nghiệp	Phú Nghiệp, xã Gia Canh, huyện Định Quán	NM430		x				x		x				
XII.6	Sông Vàm Cỏ - sông cấp 1 liên tỉnh															
431	Tây Ninh	KV Đường tuần tra Biên giới	Xã Phước Vĩnh, huyện Châu Thành	NM431	x		x			x					x	
432	Tây Ninh	Cầu Cây Ói	Xã Phước Vĩnh, huyện Châu Thành	NM432		x				x					x	
433	Tây Ninh	Cầu Bến Sỏi	Xã Trí Bình, huyện Châu Thành	NM433		x				x					x	
434	Tây Ninh	Cảng Bến Kéo	Xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành	NM434		x				x					x	
435	Tây Ninh	Cầu Gò Chai	Xã Thanh Điện, huyện Châu Thành	NM435		x				x		x				
436	Tây Ninh	Cầu Gò Dầu	Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu	NM436		x				x		x				

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
437	Long An	Bến dò Lộc Giang	Xã Lộc Giang, huyện Đức Hoà	NM437		x			x					x	
438	Long An	Cầu Đức Huệ	Thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ	NM438		x			x					x	
439	Long An	Cầu Đức Hòa	Xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa	NM439		x			x					x	
440	Long An	Hợp lưu kênh An Hạ - Vàm Cỏ Đông	Xã Lương Bình, huyện Bến Lức	NM440		x			x			x			
441	Long An	Cầu Bến Lức	Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức	NM441		x			x		x	x			
442	Long An	Phà Long Sơn	Xã Long Cang, huyện Cần Đước	NM442		x			x					x	
443	Long An	Hợp lưu sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây	Xã Phước Tuy, huyện Cần Đước	NM443		x			x			x			
444	Long An	Cầu Mỹ Lợi	Xã Phước Đông, huyện Cần Đước	NM444		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
445	Long An	Bến dò Lò Gạch, TX Kiến Tường	Phường 1, TX Kiến Tường	NM445		x			x					x	
446	Long An	Cầu Tuyên Nhơn	Thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa	NM446		x			x					x	
447	Long An	Bến dò Bắc Đông	Xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa	NM447		x			x					x	
448	Long An	Bến dò Chú Tiết	Phường 3, TP Tân An	NM448		x			x					x	
449	Long An	Phà Tân Trụ	TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ	NM449		x			x					x	
450	Long An	Bến dò Nhựt Ninh	Xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ	NM450		x			x					x	
451	Long An	Mộc Hoá	Mộc Hoá, phường 1, thị xã Kiến Tường	NM451		x			x		x	x			
452	Long An	Tân An, phường 2, TP Tân An	Tân An, phường 2, TP Tân An	NM452		x			x		x	x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
XIII	Sông Tiền														
453	An Giang	Tân Châu	Phường Long Thạnh TX Tân Châu	NM453	x		x			x	x	x			
454	An Giang	Bến dò Thường Phước	Xã Vĩnh Xương, huyện Tân Châu	NM454		x	x		x			x			
455	An Giang	Phà Tân Châu - Hồng Ngự	Phường Long Châu, TX Tân Châu	NM455		x	x		x			x			
456	An Giang	Bến Phà Chợ Vàm - An Hòa	Thị trấn Chợ Vàm, Phú Tân	NM456	x		x		x		x	x			
457	An Giang	Bến phà Dơi Lửa	Xã Long Điền A, huyện Chợ Mới	NM457		x			x			x			
458	An Giang	Bến dò Muong Chùa	Xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới	NM458		x			x					x	
459	Đồng Tháp	Bến phà Cao Lãnh	Phường 6, TP Cao Lãnh	NM459		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
460	Đồng Tháp	Phà Sa Đéc	Phường 4, TP. Sa Đéc	NM460		x			x			x			
461	Vĩnh Long	Cầu Mỹ Thuận	Xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè và xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long	NM461		x			x					x	
462	Tiền Giang	Bến phà Tân Phong - Cái Bè	TT. Cái Bè, huyện Cái Bè	NM462		x			x					x	
463	Tiền Giang	Phà Thới Lộc	Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy	NM463		x			x					x	
464	Tiền Giang	Hợp lưu kênh Đào Nguyễn Tất Thành - sông Tiền	Xã Song Thuận, huyện Châu Thành	NM464		x			x			x			
465	Tiền Giang	Trạm Cái Bè	Huyện Cái Bè	NM465		x				x			x		x
466	Tiền Giang	Hợp lưu sông Bảo Định và sông Hậu	Phường 1, thành phố Mỹ Tho	NM466		x			x			x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
467	Tiền Giang	Bến phà Hòa Định - Côn Tàu Tam Hiệp	Xã Hoà Định, huyện Chợ Gạo	NM467		x			x				x		
468	Tiền Giang	Bến phà Bến Chùa	Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông	NM468		x			x				x		
469	Tiền Giang	Bến Phà Bình Tân - Cửa Đại	Xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông	NM469		x			x				x		
470	Vĩnh Long	Phà An Bình	Phường 1, TP Vĩnh Long	NM470		x			x				x		
471	Vĩnh Long	Bến phà An Phước	Xã An Phước, huyện Mang Thít	NM471		x			x				x		
472	Vĩnh Long	Mỹ Thuận	Mỹ Thuận, xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long	NM472		x				x	x	x			
473	Trà Vinh	Bến Phà Long Trị	Xã Long Đức, TP Trà Vinh	NM473		x			x				x		
474	Bến Tre	KCN An Hiệp	Xã An Hiệp, TP. Bến Tre	NM474		x			x				x		

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
475	Bến Tre	Hợp lưu sông Bến Tre - sông Hàm Luông	Phường 7, TP Bến Tre	NM475		x				x				x	
476	Bến Tre	Bến Phà Hưng Lễ Phú Khánh	Xã Phú Khánh, huyện Thành Phú	NM476		x				x				x	
XIV	Sông Hậu														
477	An Giang	Thị trấn Long Bình	Thị trấn Long Bình, huyện An Phú	NM477		x	x			x				x	
478	An Giang	Thị trấn An Phú	Thị trấn An Phú, huyện An Phú	NM478		x				x				x	
479	An Giang	Cầu Châu Đốc	Xã Châu Phú B, TP Châu Đốc	NM479		x				x				x	
480	An Giang	Bến phà Cái Dầu	Thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú	NM480		x				x				x	
481	An Giang	Bến phà Sơn Đốt	Xã An Châu, huyện Châu Thành	NM481		x				x				x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
482	An Giang	Bến phà An Hòa	Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên	NM482		x			x					x	
483	An Giang	Sông Tiền đoạn chảy qua cầu Cái Vừng	Đầu cầu Cái Vừng - thị xã Tân Châu	NM483		x	x		x					x	
484	An Giang	TP Châu đốc	TP Châu đốc	NM484		x				x				x	
485	Cần Thơ	Cầu Vàm Cống	Phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ	NM485		x			x					x	
486	Cần Thơ	Bến đò Cái Dừa - Bàng Tăng	Phường Thới Long, quận Ô Môn, TP Cần Thơ	NM486		x			x					x	
487	Cần Thơ	Bến đò khu công nghiệp Trà Nóc - Tân Bình	Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	NM487		x			x					x	
488	Cần Thơ	Hợp lưu sông Cần Thơ - Sông Hậu	Phường Hưng Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ	NM488		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
489	Cần Thơ	Cảng Cái Cui	Phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ	NM489		x			x					x	
490	Sóc Trăng	Bến phà Cái Côn - Trà Ôn	Xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách	NM490		x			x					x	
491	Sóc Trăng	Bến phà Đường Đức	Xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách	NM491		x			x					x	
492	Trà Vinh	Bến đò Bến Bạ	Xã Hàm Tân, huyện Trà Cú	NM492		x			x					x	
493	Sóc Trăng	Khu vực nhiệt điện Long Phú	Xã Long Đức, Long Phú	NM493		x			x					x	
494	Cần Thơ	Cái Khế,	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	NM494		x			x		x	x			
495	Cần Thơ	KV phường Cái Khế	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	NM495		x			x					x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
496	Cần Thơ	Điểm giáp ranh 3 tỉnh An Giang - Đồng Tháp - Cần Thơ	Gần Vàm Cái Sắn, cầu Cái Sắn	NM496		x				x			x		
497	Kiên Giang	Cửa Sông Dương Đông	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	NM497		x				x			x		
498	Kiên Giang	Cầu Bến Tràm	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	NM498		x				x			x		
499	Kiên Giang	Cầu Hùng Vương	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	NM499		x				x			x		
	Tổng				6	493	14	33	440	59	22	260	108	216	23



Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÙNG CỬA SÔNG VEN BIỂN QUY HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
1	Quảng Ninh	Ka Long	Thành phố Móng Cái	CS1	x		x			
2	Quảng Ninh	Đầm Hà - Sông Cẩm Phả	Thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	CS2	x			x		
3	Quảng Ninh	Tiên Yên - Sông Ba Chẽ	Huyện Tiên Yên	CS3	x			x		
4	Quảng Ninh	Cửa Lục - Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long	CS4	x		x			
5	Quảng Ninh	Sông Bình Hương	Thành phố Uông Bí	CS5	x		x			
6	Quảng Ninh	Sông Chanh	Thị xã Quảng Yên	CS6	x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
7	Hải Phòng	Sông Bạch Đằng	Quận Hải An	CS7	x		x			
8	Hải Phòng	Sông Lạch Tray	Quận Dương Kinh	CS8	x		x			
9	Hải Phòng	Sông Văn Úc	Huyện Tiên Lãng	CS9	x			x	x	
10	Thái Bình	Sông Thái Bình	Huyện Thái Thụy	CS10	x		x			
11	Thái Bình	Sông Trà Lý	Huyện Thái Thụy	CS11	x		x			
12	Nam Định	Ba Lạt	Huyện Giao Thủy	CS12	x		x			
13	Nam Định	Sông Ninh Cơ	Huyện Nghĩa Hưng	CS13	x		x			
14	Ninh Bình	Sông Đáy	Huyện Kim Sơn	CS14	x		x			
15	Thanh Hóa	Sông Lèn	Huyện Hậu Lộc	CS15	x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
16	Thanh Hóa	Sông Trường Giang	Huyện Hậu Lộc	CS16	x				x	
17	Thanh Hóa	Sông Mã	Huyện Hoằng Hóa	CS17	x				x	
18	Thanh Hóa	Sông Yên	Huyện Tĩnh Gia	CS18	x				x	
19	Thanh Hóa	Sông Lạng Bạch	Huyện Tĩnh Gia	CS19	x				x	
20	Nghệ An	Sông Hoàng Mai	Thị xã Hoàng Mai	CS20	x				x	
21	Nghệ An	Cửa Lạch Quèn - Sông Hàu	Huyện Quỳnh Lưu	CS21	x				x	
22	Nghệ An	Sông Cẩm	Thị xã Cửa Lò	CS22	x				x	
23	Nghệ An	Cửa Hội - Sông Lam	Thị xã Cửa Lò	CS23	x				x	
24	Hà Tĩnh	Sót - sông Hạ Vàng	Huyện Lộc Hà	CS24	x			x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
25	Hà Tĩnh	Vịnh Vũng Áng - Sông Trí	Thị xã Kỳ Anh	CS25	x				x	
26	Hà Tĩnh	Cửa Nhượng - Sông Lạc Giang	Huyện Cẩm Xuyên	CS26	x				x	
27	Quảng Bình	Ròn	Cảnh Dương, Quảng Trạch	CS27	x				x	
28	Quảng Bình	Gianh	Quảng Phúc, Quảng Trạch	CS28	x		x			
29	Quảng Bình	Nhật Lệ	Bắc Lý, TP Đồng Hới	CS29	x		x			
30	Quảng Trị	Bến Hải	TT Cửa Tùng, Vĩnh Linh	CS30	x				x	
31	Quảng Trị	Thạch Hãn	TT Cửa Việt, Gio Linh	CS31	x				x	
32	Thừa Thiên Huế	Cửa Thuận An - sông Hương	Hải Dương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	CS32	x		x			

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
33	Đà Nẵng	Cửa sông Cu Đê	Hoà Hiệp Nam, Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	CS33	x				x	
34	Đà Nẵng	Cửa sông Phú Lộc	Thanh Khê Đông, Thanh Khê, TP Đà Nẵng	CS34	x				x	
35	Đà Nẵng	Cửa sông Hàn (sông Vu Gia)	Nại Hiên Đông, Hải Châu, TP Đà Nẵng	CS35	x				x	
36	Quảng Nam	Cửa Đại - Hội An - sông Thu Bồn	Cửa Đại, TP Hội An	CS36	x		x			
37	Quảng Nam	Cửa sông Trường Giang - sông Thu Bồn	Tam Hải, Núi Thành	CS37	x				x	
38	Quảng Ngãi	Cửa sông Trà Bồng	Bình Đông, Bình Sơn	CS38	x		x			
39	Quảng Ngãi	Cửa biển Sa Kỳ	Bình Châu, Bình Sơn	CS39	x				x	
40	Quảng Ngãi	Cửa Đại - Cổ Lũy (sông Trà Khúc)	Nghĩa Phú, Tư Nghĩa	CS40	x				x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
41	Quảng Ngãi	Cửa sông Vệ	Đức Lợi, Mộ Đức	CS41	x			x	x	
42	Quảng Ngãi	Cửa Mỹ Á	Hải Tân, Đức Phổ	CS42	x				x	
43	Bình Định	Cửa Tam Quan	Thiện Chánh 2, Hoài Nhơn	CS43	x				x	
44	Bình Định	Cửa Lại Giang	Hoài Thanh, Hoài Nhơn	CS44	x				x	
45	Bình Định	Đầm Trà Ô	Mỹ Đức, Phù Mỹ	CS45	x				x	
46	Bình Định	Đầm Thị Nại - Bến đò xã Nhơn Lý	Nhơn Hội, TP Quy Nhơn	CS46	x				x	
47	Bình Định	Đầm Thị Nại - Cầu Thị Nại	Trần Phú, TP Quy Nhơn	CS47	x				x	
48	Phú Yên	Đầm Cù Mông	TX Sông Cầu	CS48	x				x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
49	Phú Yên	Cửa đầm Cù Mông	Hòa Lợi, Sông Cầu	CS49	x				x	
50	Phú Yên	Đầm Ô Loan	An Cư, Tuy An	CS50	x				x	
51	Phú Yên	Cửa đầm Ô Loan	An Ninh Đông, Tuy An	CS51	x				x	
52	Phú Yên	Cửa sông Đà Rằng (sông Ba)	TP Tuy Hoà	CS52	x		x			
53	Phú Yên	Cửa Đà Nông (sông Cái)	Hoà Hiệp Nam, Đông Hòa	CS53	x		x			
54	Bình Thuận	Lũy	Phan Rí Cửa, Tuy Phong	CS54	x			x	x	
55	Khánh Hòa	Cửa Hải Triều (Vịnh Vân Phong)	Vạn Long, Vạn Ninh	CS55	x				x	
56	Khánh Hòa	Cửa sông Cái	Xương Huân, Nha Trang	CS56	x			x	x	
57	Khánh Hòa	Cửa sông Quán Trường (sông Cái)	Vĩnh Trường, Nha Trang	CS57	x				x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
58	Bà Rịa - Vũng Tàu	Sông Thị Vải	Xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu	CS58	x		x			
59	TP Hồ Chí Minh	Cửa Sông Lòng Tàu	Xã Thạnh An, huyện Cần Giờ	CS59	x		x			
60	TP Hồ Chí Minh	Cửa sông Soài Rạp	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ	CS60	x				x	
61	TP Hồ Chí Minh	Cửa sông Đông Tranh	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ	CS61	x				x	
62	Sóc Trăng	Cửa Lớn (Cửa Trần Đề)	Thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề	CS62	x				x	
63	Sóc Trăng	Cửa sông Mỏ ó	Xã Trung Bình, huyện Trần Đề,	CS63	x				x	
64	Bạc Liêu	Gành Hào	Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	CS64	x		x			
65	Bến Tre	Ba Lai - Sông Tiền	Xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	CS65	x			x	x	
66	Bến Tre	Hàm Luông - Sông Tiền	Xã An Thủy, huyện Ba Tri	CS66	x			x	x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
67	Bến Tre	Cửa sông Cỏ Chiên	Xã An Quy, huyện Thạnh Phú	CS67	x			x	x	
68	Tiền Giang	Cửa Tiểu - sông Tiền	Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông	CS68	x			x	x	
69	Tiền Giang	Cửa Đại - sông Tiền	Xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông	CS69	x			x	x	
70	Trà Vinh	Cửa sông Định An	Xã Định An, huyện Trà Cú	CS70	x				x	
71	Kiên Giang	Cửa sông Cái Lớn	Phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	CS71	x				x	
72	Kiên Giang	Cửa sông Giang Thạnh	Phường Tô Châu, TP Hà Tiên	CS72	x				x	
73	Cà Mau	Cửa sông Bò Đề	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	CS73	x				x	
74	Cà Mau	Cửa sông Rạch Gốc	Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển	CS74	x				x	

TT	Tỉnh/thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
75	Cà Mau	Cửa sông Bảy Háp	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	CS75	x				x	
76	Cà Mau	Cửa sông Sông Đốc	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	CS76	x				x	
Tổng số					76	0	22	10	54	0



Phụ lục IV

**DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC VÙNG BIỂN VEN BỜ QUY HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh/thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
1	Quảng Ninh	Bãi Trà Cổ	Thành phố Móng Cái	B1	x			x			
2	Quảng Ninh	Cảng Mũi Chùa	Huyện Tiên Yên	B2	x			x			
3	Quảng Ninh	Cảng Cửa Ông	Thành phố Cẩm Phả	B3	x			x			
4	Quảng Ninh	Cảng Cái Lân	Thành phố Hạ Long	B4	x			x			
5	Quảng Ninh	Bãi biển Tuần Châu	Thành phố Hạ Long	B5	x			x			
6	Quảng Ninh	Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long	B6	x		x	x			

7	Quảng Ninh	Cảng Cái Rồng	Huyện Vân Đồn	B7	x			x			
8	Hải Phòng	Bạch Đằng	Huyện Tiên Lãng	B8	x			x			
9	Hải Phòng	Cảng Đình Vũ	Quận Hải An	B9	x			x			
10	Hải Phòng	Hòn Dấu	Đồ Sơn	B10	x		x	x			
11	Thái Bình	Biển Đông Châu	Huyện Tiền Hải	B11	x			x			
12	Nam Định	Hải Hậu	Huyện Hải Hậu	B12	x				x	x	
13	Ninh Bình	Kim Sơn	Huyện Kim Sơn	B13	x				x	x	
14	Thanh Hoá	Sầm Sơn	Huyện Quảng Xương	B14	x		x	x			
15	Thanh Hoá	Tĩnh Gia	Huyện Tĩnh Gia	B15	x					x	
16	Nghệ An	Cửa Lò	Thị xã Cửa Lò	B16	x			x			
17	Hà Tĩnh	Bãi biển Xuân Thành	Huyện Nghi Xuân	B17	x					x	

18	Hà Tĩnh	Bãi tắm Thiên Cầm	Thôn Chùa, xã Cầm Nhượng, huyện Cầm Xuyên	B18		x				x	
19	Hà Tĩnh	Kỳ Lợi	Xã Kỳ Lợi, Kỳ Anh	B19		x				x	
20	Hà Tĩnh	Hải đội 2	Xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân	B20		x		x			
21	Quảng Bình	Hòn La	Thọ Sơn, Quảng Trạch, Quảng Bình	B21		x		x			
22	Quảng Bình	Biển Nhật Lệ	Bắc Lý, TP Đồng Hới	B22	x			x			
23	Quảng Trị	Triệu Lăng	Thôn 6, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong	B23		x		x			
24	Quảng Trị	Bãi biển Mũi Si - Cửa Tùng	TT Cửa Tùng, Vĩnh Linh	B24	x			x			
25	Thừa Thiên Huế	Chân Mây	Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc	B25		x				x	
26	Thừa Thiên Huế	Cảng Chân Mây	Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc	B26	x			x			
27	Thừa Thiên Huế	Biển Thuận An	Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc	B27	x			x			

28	Đà Nẵng	Cảng Tiên Sa	Thọ Quang, Sơn Trà	B28	x			x			
29	Đà Nẵng	Âu thuyền Thọ Quang	Thọ Quang, Sơn Trà	B29	x			x			
30	Đà Nẵng	Biển Phước Mỹ	Phước Mỹ, Sơn Trà	B30	x			x			
31	Đà Nẵng	Cảng Liên Chiểu	Hoà Hiệp Bắc, Liên Chiểu	B31	x			x			
32	Đà Nẵng	Sơn Trà	Quận Sơn Trà	B32	x		x	x			
33	Quảng Nam	Cảng Kỳ Hà	Kỳ Hà, Núi Thành	B33	x			x			
34	Quảng Nam	Biển Bãi Rạng	Tam Quang, Núi Thành	B34	x			x			
35	Quảng Ngãi	Bãi Tầm Khe Hai	Bình Thạnh, Bình Sơn	B35	x			x			
36	Quảng Ngãi	Cảng Dung Quất	Bình Thuận, Bình Sơn	B36	x			x			
37	Quảng Ngãi	Vịnh Việt Thanh	Bình Châu, Bình Sơn	B37	x			x			

38	Bình Định	Bãi biển Tam Quan Bắc	Tam Quan bắc, Hoài Nhơn	B38	x			x			
39	Bình Định	Biển Quy Nhơn	TP Quy Nhơn	B39	x			x			
40	Bình Định	Cảng Quy Nhơn	TP Quy Nhơn	B40	x		x	x			
41	Bình Định	Biển Trung Lương	Cát Tiến, Phù Cát	B41	x			x			
42	Phú Yên	Vịnh Xuân Đài	TX Sông Cầu	B42	x					x	
43	Khánh Hoà	Biển Rạn Trào (Vịnh Vân Phong)	Vạn Hưng, Vạn Ninh	B43	x			x			
44	Ninh Thuận	Vịnh Phan Rang	TT Khánh Hải, Ninh Hải	B44	x					x	
45	Bình Thuận	KV Biển Cà Ná	Vĩnh Tân, Tuy Phong	B45	x			x			
46	Bình Thuận	KV Nhiệt điện Vĩnh Tân	Liên Hương, Tuy Phong	B46	x			x			
47	Bình Thuận	Vịnh Phan Thiết	TP Phan Thiết	B47	x					x	
48	Bà Rịa - Vũng Tàu	Biển Lộc An	Xã Lộc An, huyện Đất Đỏ	B48	x			x			

49	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bãi trước	Phường 1, thành phố Vũng Tàu	B49	x			x			
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bãi Sau	Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu	B50	x			x			
51	Bà Rịa - Vũng Tàu	Sao Mai - Bến Đình	Phường 9, thành phố Vũng Tàu	B51	x			x			
52	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	TP Vũng Tàu	B52	x		x	x			
53	TP. Hồ Chí Minh	Biển Cần Giờ	Xã Long Hoà, huyện Cần Giờ	B53	x			x			
54	Tiền Giang	Biển Tân Thành, Gò Công	Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông	B54	x					x	
55	Bến Tre	Biển Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú	B55	x					x	
56	Trà Vinh	Biển thị xã Duyên Hải	Xã Dân Thành, huyện Duyên Hải	B56	x					x	

57	Sóc Trăng	Biển khu vực thị xã Vĩnh Châu	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	B57	x						x	
58	Bạc Liêu	Biển khu vực thành phố Bạc Liêu	Phường Nhà Mát, TP Bạc Liêu	B58	x						x	
59	Bạc Liêu	Biển khu vực đê biển Gành Hào	Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	B59	x						x	
60	Cà Mau	Biển Mũi Cà Mau	Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	B60	x						x	
61	Cà Mau	Biển Khu vực thị trấn Sông Đốc	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	B61	x						x	
62	Cà Mau	Biển khu vực Hòn Đá Bạc	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	B62	x						x	
63	Kiên Giang	Biển Khu vực đô thị lấn biển Phú Cường	Khu vực Vịnh Rạch Giá, phường An Hoà, TP. Rạch Giá	B63	x						x	
64	Kiên Giang	Biển Khu vực đô thị lấn biển Tây Bắc Rạch Giá	Khu vực Vịnh Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, An Hoà, TP. Rạch Giá	B64	x						x	

65	Kiên Giang	Biển Khu vực Mũi Nai	Khu vực Mũi Nai, phường Pháo Đài, TP. Hà Tiên)	B65	x						x	
66	Kiên Giang	Biển Khu vực Cảng An Thới	Phường An Thới, TP Phú Quốc	B66	x						x	
67	Kiên Giang	Biển khu vực Dinh Cậu Phú Quốc	Phường Đông Dương, TP Phú Quốc	B67	x						x	
68	Kiên Giang	Biển khu vực Mũi Gành Dầu	Xã Gành Dầu, TP Phú Quốc	B68	x						x	
69	Kiên Giang	Biển Khu vực Phà Thạnh Thới	Xã Bãi Thơm, TP Phú Quốc	B69	x						x	
70	Kiên Giang	Biển Khu vực Hàm Ninh	Xã Hàm Ninh, TP Phú Quốc	B70	x						x	
Tổng					64	6	6	43	2	27	0	



Phụ lục V
DANH SÁCH CÁC VÙNG BIỂN XA BỜ CẦN QUAN TRẮC QUY HOẠCH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu vực biển/vị trí quan trắc	Cách bờ
1	Khu vực biển miền Bắc (vịnh Bắc Bộ)	
1.1	Vùng biển xa bờ gần đảo Bạch Long Vỹ	Cách QN: 59,3 HL
2	Khu vực biển miền Trung	
2.1	Vùng biển Tây Hoàng Sa	Cách HT: 52 HL
3	Khu vực biển quần đảo Trường Sa	
3.1	Vùng biển quanh đảo Song Tử Tây	Cách CR: 315 HL
3.2	Vùng biển quanh đảo Đá Nam	Cách CR: 299 HL
3.3	Vùng biển quanh đảo Đá Lớn	Cách CR: 295 HL
3.4	Vùng biển quanh đảo Nam Yết	Cách CR: 326 HL
3.5	Vùng biển quanh đảo Sơn Ca	Cách CR: 331 HL
3.6	Vùng biển quanh đảo Đá Thị	Cách CR: 335 HL
3.7	Vùng biển quanh đảo Sinh Tồn	Cách CR: 315 HL
3.8	Vùng biển quanh đảo Sinh Tồn Đông	Cách CR: 312 HL
3.9	Vùng biển quanh đảo Cô Lin	Cách CR: 307 HL
3.10	Vùng biển quanh đảo Len Đao	Cách CR: 335 HL
3.11	Vùng biển quanh đảo Đá Lát	Cách CR: 245 HL
3.12	Vùng biển quanh đảo Trường Sa	Cách CR: 254 HL

TT	Khu vực biển/vị trí quan trắc	Cách bờ
3.13	Vùng biển quanh đảo Đá Tây	Cách CR: 248 HL
3.14	Vùng biển quanh đảo Trường Sa Đông	Cách CR: 260 HL
3.15	Vùng biển quanh đảo Phan Vinh	Cách CR: 322 HL
3.16	Vùng biển quanh đảo Tốc Tan	Cách CR: 348 HL
3.17	Vùng biển quanh đảo Núi Le	Cách CR: 355 HL
3.18	Vùng biển quanh đảo Tiên Nữ	Cách CR: 374 HL
3.19	Vùng biển quanh đảo Thuyền Chài	Cách CR: 308 HL
3.20	Vùng biển quanh đảo An Bang	Cách CR: 325 HL
4	Khu vực biển thuộc thêm lục địa phía Nam	
4.1	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/11 (Bãi cạn Tư Chính)	Cách VT: 160 HL
4.2	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/12 (Bãi cạn Tư Chính)	Cách VT: 160 HL
4.3	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/14 (Bãi cạn Tư Chính)	Cách VT: 160 HL
4.4	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/2 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.5	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/16 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.6	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/17 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.7	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/18 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.8	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/9 (Bãi cạn Ba Kè)	Cách VT: 300 HL

TT	Khu vực biển/vị trí quan trắc	Cách bờ
4.9	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/20 (Bãi cạn Ba Kè)	Cách VT: 300 HL
4.10	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/21 (Bãi cạn Ba Kè)	Cách VT: 300 HL
4.11	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/15 (Bãi cạn Phúc Nguyên)	Cách VT: 200 HL
4.12	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/7 (Bãi cạn Huyền Trân)	Cách VT: 248 HL
4.13	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/8 (Bãi cạn Quế Đường)	Cách VT: 225 HL
4.14	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/9 (Bãi cạn Quế Đường)	Cách VT: 225 HL
5	Khu vực biển Tây Nam Bộ	
5.1	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/10 (Bãi cạn Cà Mau)	Cách mũi CM: 110HL
5.2	Vùng biển xung quanh đảo Phú Quốc	Cách KG: 26,9 HL
5.3	Vùng biển xung quanh đảo Thổ Chu	Cách KG: 55HL

1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030
2031
2032
2033
2034
2035
2036
2037
2038
2039
2040
2041
2042
2043
2044
2045
2046
2047
2048
2049
2050
2051
2052
2053
2054
2055
2056
2057
2058
2059
2060
2061
2062
2063
2064
2065
2066
2067
2068
2069
2070
2071
2072
2073
2074
2075
2076
2077
2078
2079
2080
2081
2082
2083
2084
2085
2086
2087
2088
2089
2090
2091
2092
2093
2094
2095
2096
2097
2098
2099
2100

1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030
2031
2032
2033
2034
2035
2036
2037
2038
2039
2040
2041
2042
2043
2044
2045
2046
2047
2048
2049
2050
2051
2052
2053
2054
2055
2056
2057
2058
2059
2060
2061
2062
2063
2064
2065
2066
2067
2068
2069
2070
2071
2072
2073
2074
2075
2076
2077
2078
2079
2080
2081
2082
2083
2084
2085
2086
2087
2088
2089
2090
2091
2092
2093
2094
2095
2096
2097
2098
2099
2100



Phụ lục VI
DANH SÁCH ĐIỂM QUAN TRẮC LẮNG ĐỘNG AXÍT QUY HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tỉnh/thành phố	Địa điểm quan trắc	Hiện có	Quy hoạch thực hiện 2021 - 2030	Được lồng ghép trong Trạm quan trắc khí tượng
1	Bà Rịa - Vũng Tàu	Phường 8, thành phố Vũng Tàu	x	x	
2	Bình Dương	P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một	x	x	
3	Tây Ninh	Khu phố 1, phường 1, TP Tây Ninh	x		x
4	Bình Thuận	Phường Hưng Long, TP Phan Thiết		x	x
5	Bình Định	Phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn		x	x
6	Cà Mau	Phường 7, TP Cà Mau	x		x
7	Cần Thơ	Số 45, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều	x		x
8	Hà Nội	Đường Giải phóng, quận Đống Đa		x	
9	Hà Nội	Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy		x	
10	Hà Nội	Phường Láng Thượng, quận Đống Đa	x		x
11	Hưng Yên	Đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên		x	
12	Hải Dương	Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương		x	
13	Hải Dương	Phường Việt Hòa, TP Hải Dương		x	x
14	TP Hải Phòng	Đài KTTV Đông Bắc (Phù Liễn), thuộc phường Phù Liễn, quận Kiến An, TP Hải Phòng		x	x
15	Thái Bình	Phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình		x	

STT	Tỉnh/thành phố	Địa điểm quan trắc	Hiện có	Quy hoạch thực hiện 2021 - 2030	Được lồng ghép trong Trạm quan trắc khí tượng
16	Hà Nam	Phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý		x	
17	Ninh Bình	Đường Nguyễn Công Trứ, TP Ninh Bình		x	x
18	Ninh Bình	Xã Cúc Phương, huyện Nho Quan		x	x
19	Bắc Giang	Phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang		x	
20	Bắc Giang	Phường Nguyên Hãn, TP Bắc Giang		x	x
21	Phú Thọ	Phường Tân Dân, TP Việt Trì		x	x
22	Đà Nẵng	54 Nguyễn Lương Bằng - phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu		x	
23	Đà Nẵng	660 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu		x	x
24	Quảng Nam	Phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ		x	
25	Bình Định	Phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn			
26	Khánh Hoà	Phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang	x		x
27	Gia Lai	33 Trường Chinh, phường Trà Bá, TP Pleiku		x	x
28	Đắk Lắk	Khối 9, phường Tự An, TP Buôn Mê Thuột		x	x
29	Lâm Đồng	Phường 6, Thành phố Đà Lạt	x		x
30	Thừa Thiên Huế	Xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy		x	x
31	Nghệ An	144 đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, TP Vinh		x	x

STT	Tỉnh/thành phố	Địa điểm quan trắc	Hiện có	Quy hoạch thực hiện 2021 - 2030	Được lồng ghép trong Trạm quan trắc khí tượng
32	Thanh Hóa	Phường Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa		x	x
33	Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TP Thái Nguyên		x	x
34	Điện Biên	Pha Đin, xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo		x	x
35	Sơn La	Phường Tô Hiệu, TP. Sơn La		x	x
36	Ninh Thuận	Phường Thanh Sơn, TP Phan Rang - Tháp Chàm			
37	Long An	Phường 2, TP Tân An	x		
38	Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long		x	x
39	TP Hồ Chí Minh	Ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè	x		x
40	TP Hồ Chí Minh	Tân Sơn Hoà, phường 1, quận Tân Bình	x		x
41	TP Hồ Chí Minh	Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức		x	
42	TP Hồ Chí Minh	200 lý chính thắng, phường 9, quận 3		x	
	Tổng số		11	31	26

6 273-003



Phụ lục VII

**PHÂN KỲ THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI
QUAN TRẮC ĐA DẠNG SINH HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên khu vực quan trắc	Hiện có	Quy hoạch		
			2025 - 2030	2031 - 2045	2045 - 2050
1	Các khu bảo tồn thiên nhiên có danh hiệu quốc tế		x		
2	Các khu bảo tồn thiên nhiên trên phạm vi toàn quốc			x	x
3	Các hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao được thành lập				x



1952



Phụ lục VIII
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐỊNH KỲ
VÀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
1. Tỉnh Thái Nguyên								
QT3-TN	QT3a-TN	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên			x	x
QT5-TN	QT5a-TN	Đông Cao	Phổ Yên	Thái Nguyên			x	x
2. Tỉnh Phú Thọ								
QT1-PT	QT1a-PT	Sông Lô	TP. Việt Trì	Phú Thọ			x	x
3. Tỉnh Bắc Giang								
Q.39	Q.39	Châu Minh	Hiệp Hoà	Bắc Giang			x	x
Q.191	Q.191a	Mình Đức	Việt Yên	Bắc Giang			x	x
4. Tỉnh Quảng Ninh								
QT4-QN	QT4-QN	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	Quảng Ninh			x	x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
QT6-QN	QT6-QN	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	Quảng Ninh			x	x
5. TP Hà Nội								
Q.58	Q.58M1	Sơn Đồng	Hoài Đức	Hà Nội	x			x
Q.62	Q.62	Minh Khai	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	x			x
Q.63	Q.63aM1	Mai Dịch	Cầu Giấy	Hà Nội	x			x
Q.64	Q.64	Kim Liên	Đống Đa	Hà Nội	x			x
Q.65	Q.65M1	Hoàng Liet	Hoàng Mai	Hà Nội	x			x
	Q.65bM1	Hoàng Liet	Hoàng Mai	Hà Nội	x			x
Q.68	Q.68aM1	Yết Kiêu	Q. Hà Đông	Hà Nội	x			x
Q.69	Q.69	Phú Lãm	Q. Hà Đông	Hà Nội	x			x
Q.175	Q.175	Phú Minh	Phú Xuyên	Hà Nội	x			x
Q.176	Q.176	Hòa Phú	Ứng Hòa	Hà Nội	x			x
Q.66b	Q.66b	Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Hà Nội	x			x
Q.77	Q.77a	Tốt Động	Chương Mỹ	Hà Nội	x			x
Q.15	Q.15M1	Quang Tiến	Sóc Sơn	Hà Nội	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
Q.23	Q.23a	Hải Bối	Đông Anh	Hà Nội	x			x
Q.33	Q.33M1	Mai Lâm	Đông Anh	Hà Nội	x			x
Q.120	Q.120	Trâu Quỳ	Gia Lâm	Hà Nội	x			x
Q.121	Q.121M1	Thượng Thanh	Long Biên	Hà Nội	x			x
Q.194	Q.194	Viên An	Ứng Hòa	Hà Nội		x		x
	Q.218a	Thanh Văn	Thanh Oai	Hà Nội		x		x
6. Tỉnh Vĩnh Phúc								
Q.2	Q.2	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	x			x
7. Tỉnh Bắc Ninh								
Q.36	Q.36M1	Văn Môn	Yên Phong	Bắc Ninh	x			x
Q.187	Q.187	Hạp Lĩnh	Bắc Ninh	Bắc Ninh		x		x
8. Tỉnh Hưng Yên								
Q.193	Q.193a	Phùng Hưng	Khoái Châu	Hưng Yên	x			x
9. Tỉnh Nam Định								
Q.107	Q.107	Yên Lương	Ý Yên	Nam Định	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
Q.110	Q.110	Hải Tây	Hải Hậu	Nam Định	x			x
10. Tỉnh Thái Bình								
Q.155	Q.155M1	TT.Diêm Điền	Thái Thụy	Thái Bình	x			x
Q.159	Q.159	An Bài	Quỳnh Phụ	Thái Bình	x			x
Q.181	Q.181	Đông Tân	Đông Hưng	Thái Bình		x		x
Q.183	Q.183	TT.Tiền Hải	Tiền Hải	Thái Bình		x		x
Q.202	Q.202	Nguyên Xá	Vũ Thư	Thái Bình		x		x
Q.203	Q.203	Vũ Bình	Kiến Xương	Thái Bình		x		x
Q.184	Q.184	TT.Hưng Hà	Hưng Hà	Thái Bình		x		x
11. TP Hải Phòng								
Q.167	Q.167	Lê Lợi	An Dương	Hải Phòng	x			x
12. Tỉnh Thanh Hóa								
QT4	QT4-TH	Thọ Hải	Thọ Xuân	Thanh Hoá	x			x
QT8	QT8-TH	Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	Thanh Hoá	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
QT10	QT10a-TH	Hợp Tiến	Triệu Sơn	Thanh Hoá	x			x
QT12	QT12-TH	Quảng Chính	Quảng Xương	Thanh Hoá	x			x
QT14	QT14-TH	Ngọc Lĩnh	Tĩnh Gia	Thanh Hoá	x			x
13. Tỉnh Nghệ An								
QT1	QT1-NA	Quỳnh Dị	Quỳnh Lưu	Nghệ An	x			x
QT3	QT3-NA	Diễn Thành	Diễn Châu	Nghệ An	x			x
QT5	QT5a-NA	Công Thành	Yên Thành	Nghệ An	x			x
QT6	QT6a-NA	Lưu Sơn	Đô Lương	Nghệ An	x			x
QT7	QT7-NA	Nghi Yên	Nghi Lộc	Nghệ An	x			x
QT12	QT12a-NA	Hưng Hoà	TP. Vinh	Nghệ An	x			x
14. Tỉnh Thừa Thiên Huế								
QT5	QT5-H	Thủy Biều	TP. Huế	Thừa Thiên Huế	x			x
15. Tỉnh Quảng Nam								
QT4	QT4a-QĐ	Điện Hòa	Tx. Điện Bàn	Quảng Nam	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
16. Tỉnh Quảng Ngãi								
QT5	QT5a-QN	Nghĩa Đông	TP. Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	x			x
17. Tỉnh Bình Định								
QT3-BĐ	QT3-BĐ	Nhon Lý	TP. Quy Nhơn	Bình Định		x		x
18. Tỉnh Khánh Hòa								
QT7-KH	QT7-KH	P.Ninh Thủy	TX. Ninh Hoà	Khánh Hoà		x		x
QT10-KH	QT10-KH	Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	Khánh Hoà		x		x
19. Tỉnh Bình Thuận								
QT15-BT	QT15-BT	Thiện Nghiệp	TP. Phan Thiết	Bình Thuận		x		x
20. Tỉnh Gia Lai								
LK159	LK159T	Biển Hồ	TP. Pleiku	Gia Lai	x			x
21. Tỉnh Đắk Lắk								
LK50	LK50T	Ea Kuang	Krông Pắc	Đắk Lắk	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
C15	C15	Ea Tu	TP.Buôn Mê Thuột	Đăk Lăk	x			x
LK141	LK141T	Ea Tam	TP.Buôn Mê Thuột	Đăk Lăk		x		x
22. Tỉnh Lâm Đồng								
LK207	LK207T	Phường 7	TP Đà Lạt	Lâm Đồng		x		x
23. Tỉnh Bình Dương								
Q22404T	Q22404T	Thới Hoà	Bến Cát	Bình Dương	x			x
Q641	Q641030	Bình An	Dĩ An	Bình Dương		x		x
	Q641050	Bình An	Dĩ An	Bình Dương		x		x
24. Thành phố Hồ Chí Minh								
Q002	Q00202B	Bình Mỹ	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q011	Q011020	Trung Mỹ Tây	Quận 12	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q019	Q019340	Đông Hưng Thuận	Quận 12	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q804	Q80404ZM1	Phước Vĩnh An	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q808	Q808010	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
	Q808030M1	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	x			x
	Q808050M1	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q680	Q680020	Tân Chánh Hiệp	Quận 12	TP. Hồ Chí Minh		x		x
25. Tỉnh Đồng Nai								
Q010(d)	Q01007D	Cây Gáo	Trảng Bom	Đồng Nai	x			x
Q014	Q014340	Phú Đông	Nhơn Trạch	Đồng Nai	x			x
Q040	Q040020	Long An	Long Thành	Đồng Nai	x			x
26. Tỉnh Long An								
Q612	Q612040	Hòa Khánh Nam	Đức Hòa	Long An	x			x
27. Tỉnh Đồng Tháp								
Q606	Q606040	Mỹ Thọ	Cao Lãnh	Đồng Tháp	x			x
28. Tỉnh An Giang								
Q407	Q40702BM1	TT.Cái Dầu	Châu Phú	An Giang	x			x
Q408	Q408020	Mỹ Thạnh	Long Xuyên	An Giang	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
Q619	Q619030	An Thạnh Trung	Chợ Mới	An Giang		x		x
29. Tỉnh Cà Mau								
Q177	Q177020M1	Phường 9	TP. Cà Mau	Cà Mau	x			x
30. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
Q637	Q637030	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu		x		x
	Q637050	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu		x		x
31. Tỉnh Tiền Giang								
Q602	Q602030	Hậu Mỹ Bắc A	Cái Bè	Tiền Giang	x			x
Q620	Q620030	Thanh Hòa	Cai Lậy	Tiền Giang		x		x
Q621	Q621050	Đông Hòa	Châu Thành	Tiền Giang	x			x
Tổng số					60	23	5	88



Phụ lục IX
DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tỉnh/thành phố	Hiện có	Quy hoạch		Tổng	Thành phần môi trường quan trắc
			2021 - 2030	2031 - 2050		
1	Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường Môi trường	3	1		4	
1.1	Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc (đầu mối tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường quốc gia)	1			1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề
1.2	Trung tâm Quan trắc môi trường miền Trung - Tây Nguyên	1			1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề
1.3	Trạm Vùng Đông Nam Bộ (thuộc Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam)		1		1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề
1.4	Trạm Vùng Tây Nam Bộ (thuộc Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam)	1			1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề
2	Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	1			1	Đa dạng sinh học
3	Trung tâm Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước quốc gia	1			1	Nước dưới đất
4	Các phòng thí nghiệm thuộc Tổng cục Khí tượng thủy văn	3			3	Không khí xung quanh, nước mặt, nước biển ven bờ, mưa axit (theo các điểm được lồng ghép)

TT	Tỉnh/thành phố	Hiện có	Quy hoạch		Tổng	Thành phần môi trường quan trắc
			2021 - 2030	2031 - 2050		
5	Đơn vị quan trắc môi trường biển thuộc Bộ Quốc phòng	1			1	Nước biển gần bờ và xa bờ
	Tổng	9	1	0	10	



Phụ lục X
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI
QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
Nhóm nhiệm vụ, dự án 1: Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý hoạt động quan trắc môi trường tại Việt Nam				
1	Xây dựng các tiêu chí kỹ thuật đối với các thiết bị quan trắc chất lượng không khí, nước tự động, liên tục sử dụng để quan trắc phục vụ công bố thông tin về chất lượng môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2027
2	Xây dựng quy trình kỹ thuật kiểm soát chất lượng các trạm quan trắc chất lượng không khí, nước tự động, liên tục	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2026
3	Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn kỹ thuật đối với các phần mềm quản lý và xử lý số liệu quan trắc môi trường phục vụ truyền, nhận dữ liệu quan trắc môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2027
4	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về quy trình vận hành các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục theo quy định pháp luật	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2026
5	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về việc lựa chọn các vị trí lấy mẫu quan trắc định kỳ đáp ứng quy định pháp luật.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2026
Nhóm nhiệm vụ, dự án 2: Nghiên cứu, đổi mới các công nghệ quan trắc môi trường, tăng cường ứng dụng các thiết bị quan trắc môi trường mới				
1	Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của các thiết bị quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục chi phí thấp (low-cost sensor), đề xuất việc ứng dụng các thiết bị cho công tác nghiên cứu, quản lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2026

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo cho hoạt động xử lý số liệu quan trắc môi trường, đề xuất khả năng ứng dụng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2028
Nhóm nhiệm vụ, dự án 3: Đầu tư thiết bị quan trắc chất lượng môi trường phục vụ triển khai quy hoạch				
1	Xây dựng các trạm quan trắc tự động, liên tục khu vực miền Bắc theo quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
2	Xây dựng các trạm quan trắc tự động, liên tục khu vực miền Trung - Tây Nguyên theo quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
3	Xây dựng các trạm quan trắc tự động, liên tục khu vực miền Nam theo quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
4	Cải thiện, nâng cấp toàn diện các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục hiện có	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2027
5	Tăng cường năng lực cho các phòng thí nghiệm thực hiện quan trắc môi trường trong mạng lưới	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
6	Tăng cường năng lực quan trắc các khu vực biển xa bờ	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đến năm 2030
7	Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch chuyển đổi các điểm quan trắc chất lượng môi trường định kỳ sang các điểm quan trắc sử dụng các công nghệ, thiết bị quan trắc tiên tiến, hiện đại	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2050

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
Nhóm nhiệm vụ, dự án 4: Đào tạo, tăng cường năng lực quan trắc môi trường				
1	Tăng cường năng lực kỹ thuật cho các cán bộ vận hành thiết bị quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục tại trung ương và các địa phương	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030
2	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường trên cơ sở ứng dụng mô hình hoá, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IOT)...	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Đến năm 2030